

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG
.....

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

SINH VIÊN : BÙI KIM CÚC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: CN TTV CẤP II DƯƠNG VĂN BIÊN

HẢI PHÒNG – 2011

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : BÙI KIM CÚC

Mã sinh viên : 110029

Lớp : QT 1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Khảo sát và phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải
- Đánh giá và đề xuất các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

2. Các số liệu cần thiết để tính toán

- Lấy số liệu của năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Thực tập tốt nghiệp tại Công ty TNHH Minh Hải

Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền – Hải Dương

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang vận hành theo cơ chế thị trường, cạnh tranh tự do bình đẳng giữa các Doanh nghiệp với nhau, hoạt động của các Doanh

ngành dựa theo nguyên tắc tự hạch toán kinh tế. Vì vậy các Doanh nghiệp phải không ngừng lớn mạnh để tạo dựng được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Để làm được điều đó trước hết các Doanh nghiệp cần phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt là công tác hạch toán kế toán. Đây là một trong những công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp đạt được lợi nhuận cao nhất mà chi phí bỏ ra là thấp nhất, từ đó doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển vững mạnh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường ngày nay. Hơn nữa các doanh nghiệp được thành lập không chỉ với mục đích tồn tại mà còn cần phải phát triển không ngừng lớn mạnh, để làm được điều đó các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra (bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp). Như vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, chúng có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành sản xuất hoặc thu mua tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu của mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải quản lý, tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một Doanh nghiệp

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của Công ty TNHH Minh Hải, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Minh Hải nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của Công ty TNHH Minh Hải với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải ”

Nội dung chuyên đề gồm 3 chương sau:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: Công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

CHƯƠNG 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

Do còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn nên bài khóa luận của em sẽ không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Dương Văn Biên và các thầy cô giáo trong khoa QTKD cùng các cô, chú, anh chị của phòng Kế toán - Tài chính Công Ty TNHH Minh Hải đã tận tình chỉ bảo, tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bản khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ

KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong Doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm:

Doanh thu là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

1.1.1.2 Vai trò và vị trí của doanh thu trong các Doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn thu quan trọng để Doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như : chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với nhà nước như : đóng thuế thu nhập doanh nghiệp... Đảm bảo cho Doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của Doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để Doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào Công ty con

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra tăng sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các Doanh nghiệp

- Doanh thu có nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn làm cho đồng vốn kinh doanh không ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Cuối cùng nếu doanh thu của Doanh nghiệp không đủ trang trải những khoản chi phí đã bỏ ra thì Doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài thì Doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại dẫn đến Doanh nghiệp sẽ rơi vào tình trạng phá sản

1.1.1.3: Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

- ❖ Các loại hình doanh thu : tùy vào loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : bán sản phẩm hàng hoá cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ...

➤ Doanh thu bán hàng sẽ được ghi nhận khi tất cả các điều kiện sau được thoả mãn:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền lợi sở hữu sản phẩm hàng hoá

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như là người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá

- Giá trị các khoản doanh thu được xác định một cách chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

➤ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn những điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khác nhau:

* Trong trường hợp bán lẻ hàng hoá: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng

* Trong trường hợp gửi đại lý bán hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng do bên đại lý gửi

* Trường hợp bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao trực tiếp thì thời điểm hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ và doanh thu được ghi nhận là khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, đã thanh toán tiền hàng

hoặc chấp nhận nợ.

* Trường hợp bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khi thu tiền của bên mua hoặc bên mua chấp nhận thanh toán tiền.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các nội dung sau :

1. Tiền lãi từ vay ngắn hạn , dài hạn
2. Lãi từ bán chứng khoán cổ tức được chia
3. Lãi thu được từ hoạt động góp vốn liên doanh liên kết
4. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán
5. Thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng
6. Thu từ lãi bán hàng trả chậm trả góp

❖ Phương pháp xác định doanh thu:

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý : là giá trị tài sản có thể trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương với tiền không được ghi nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị doanh nghĩa của các khoản sẽ thu về được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể sẽ nhỏ hơn giá trị doanh nghĩa sẽ thu được trong tương lai

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không thể coi là giao dịch tạo doanh thu

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm

1.1.1.4 : Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT

- Đối với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu)

- Những Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hóa nhận gia công

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả một lần không bao gồm lãi trả góp, và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật.. người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá hàng bán và đã được Doanh nghiệp chấp nhận, hoặc người mua mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng được theo dõi riêng biệt trên tài khoản “chiết khấu thương mại”, tài khoản “giảm giá hàng bán” và tài khoản “hàng bán bị trả lại”

- Trường hợp trong kỳ Doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi nhận vào TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, mà chỉ hạch toán vào TK131 “phải thu khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua hàng thì mới hạch toán vào TK511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền hàng, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của đơn vị thành viên cung cấp cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên

- Việc ghi nhận một khoản doanh thu phải tương ứng với nó là một khoản chi phí hợp lý tạo ra doanh thu đó

1.1.1.5 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như : chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất khẩu, tất cả các khoản trên đều được tính vào doanh thu ban đầu, để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

- **Chiết khấu thương mại** (TK 521): là khoản tiền mà Doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng hóa giữa hai bên

- **Hàng bán bị trả lại** (TK 531): là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận thanh toán) nhưng lại vì người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân : Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế hàng bị kém phẩm chất, không đúng quy cách chủng loại...

- **Giảm giá hàng bán** (TK 532): Là khoản giảm trừ được Doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn hợp đồng

- **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.** Thuế GTGT , thuế XK. Thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đó

1.1.2 Chi phí

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và

lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

1.1.2.2 Vai trò của chi phí trong Doanh nghiệp

Chi phí đóng vai trò quan trọng nhất trong các Doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận sẽ tăng. Vì vậy việc giảm chi phí một cách hợp lý là nhiệm vụ sống còn đối với mỗi Doanh nghiệp.

1.1.2.3 Các loại chi phí

a, Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý Doanh nghiệp

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ bao gồm

1. Chi phí nhân viên bán hàng :Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN)
2. Chi phí vật liệu phục vụ cho công tác bán hàng :Là khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói sản phẩm, hàng hóa vật liệu, để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa
3. Chi phí về công cụ dụng cụ phục vụ cho công tác bán hàng : Là chi phí về công cụ, dụng cụ đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ
4. Chi phí khấu hao tài sản cố định : Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong khâu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành
5. Chi phí về bảo hành sản phẩm :Là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.

6. Chi phí về dịch vụ mua ngoài : Là khoản chi phí dịch vụ mua ngoài, phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như : chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

7. Chi phí khác bằng tiền khác : Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như : chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa....

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

1. Chi phí nhân viên quản lý lương và các khoản trích theo lương : Gồm tiền lương tiền phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban trong Doanh nghiệp và các khoản trích(BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.
2. Chi phí vật liệu phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp : Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của Doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ dụng cụ, dùng chung của Doanh nghiệp.
3. Chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng : Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung trong Doanh nghiệp.
4. Chi phí khấu hao TSCĐ : Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho Doanh nghiệp như : văn phòng làm việc, kho tàng vật kiến trúc, phương tiện ...
5. Thuế phí lệ phí : Các khoản thuế như : thuế nhà, đất, thuế môn bài, .. và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
7. Chi phí về dịch vụ mua ngoài : Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như : tiền điện nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung trong Doanh nghiệp.

8. Chi phí khác bằng tiền mặt : chi quan hệ đối ngoại , chi đào tạo cho lao động nữ , trợ cấp cho lao động nữ

(tiền lương một số nhân viên quản lý doanh nghiệp không được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp như : giám đốc công ty hợp danh , thành viên hội đồng quản trị không tham gia trực tiếp điều hành doanh nghiệp , lương giám đốc công ty tư nhân...)

b, Chi phí hoạt động tài chính :

Là toàn bộ những khoản chi phí mà Doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm : Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán.....

c, Chi phí hoạt động khác : Bao gồm chi phí khác và chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp :

Chi phí khác : Là khoản chi phí của các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của Doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của Doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý , nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của Doanh nghiệp.

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1 Khái niệm :

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...)

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3.2 Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.3.3 Vai trò, ý nghĩa của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được làm vào cuối kỳ kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh

doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Tóm lại, việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp tránh hiện tượng “lãi giả lỗ thật”. Hơn nữa còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa ra thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết ở tầm vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của Doanh nghiệp thì kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau :

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý và tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp

thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng

a, Chứng từ sử dụng :

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau :

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác : phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

b, Sổ sách sử dụng

- Bảng kê, hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Báo cáo bán hàng
- Sổ cái TK511, 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính.

c, Tài khoản sử dụng

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau :

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ng nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng : Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ : Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động,...

Tài khoản 511 không có số dư đầu kỳ và có 5 tài khoản cấp 2 :

TK5111 : Doanh thu bán hàng

TK5112 ; Doanh thu bán thành phẩm

TK5113 :Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK5117 : Doanh thu bất động sản đầu tư

Kết cấu của Tài khoản 511:

Bên nợ: Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ Doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thu được từ việc bán hàng, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh....

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

TK5121 : Doanh thu bán hàng

TK5122 : Doanh thu bán thành phẩm

TK5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu của TK 512:

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911

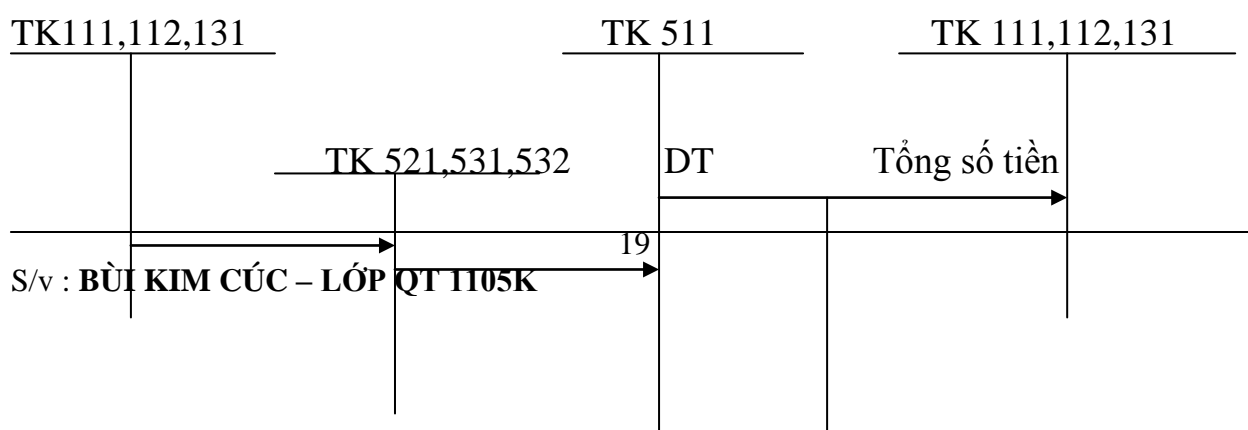
Bên có: Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

d, Kế toán doanh thu theo phương thức bán hàng

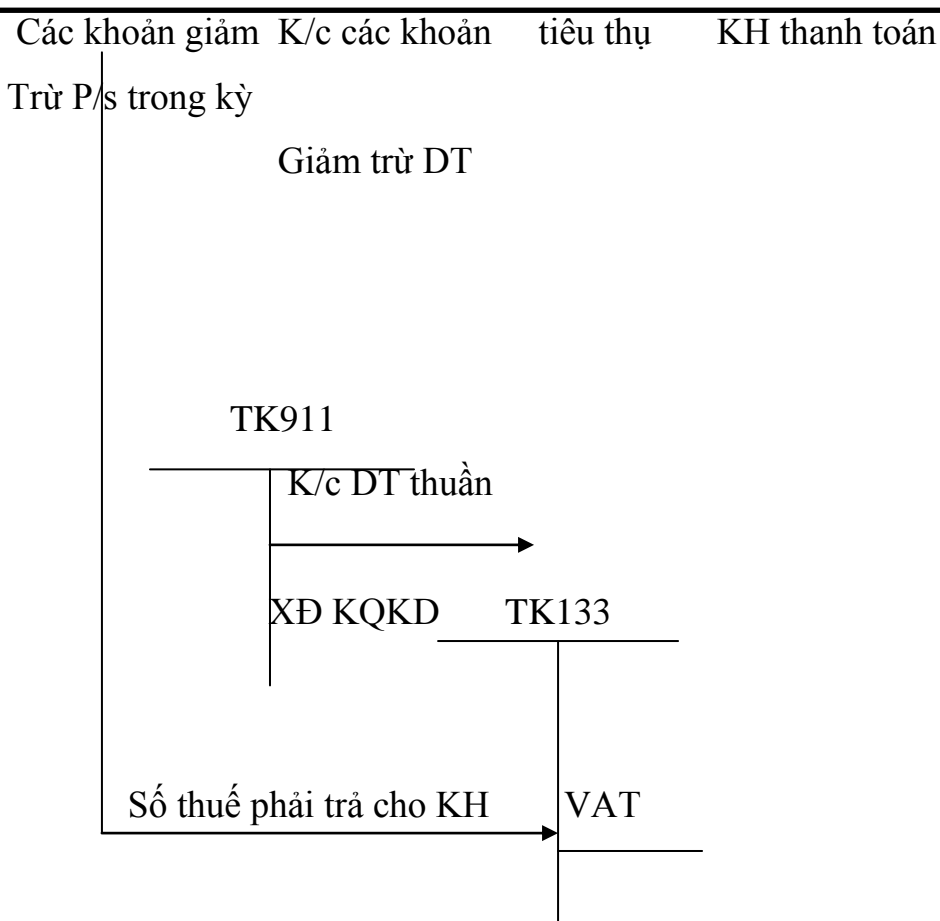
TH1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp

Hàng ngày căn cứ vào HD GTGT và chứng từ thanh toán như giấy báo có, phiếu thu hoặc thông báo chấp nhận thanh toán của khách hàng để ghi sổ doanh thu

Sơ đồ 1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



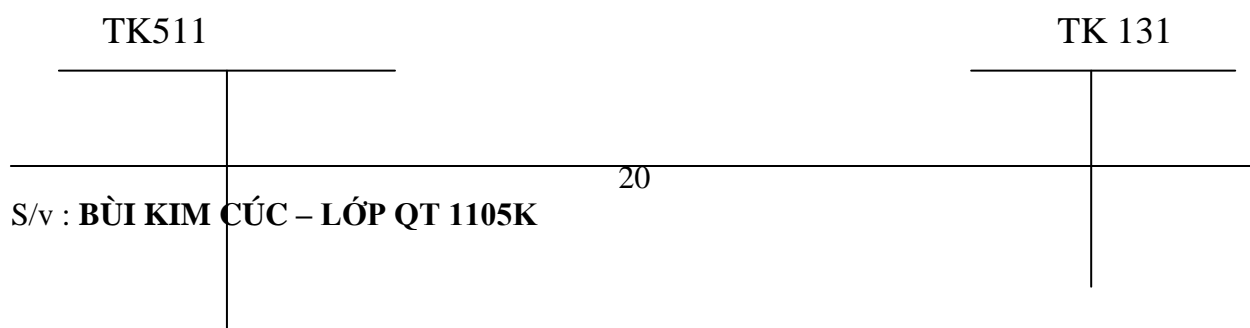
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

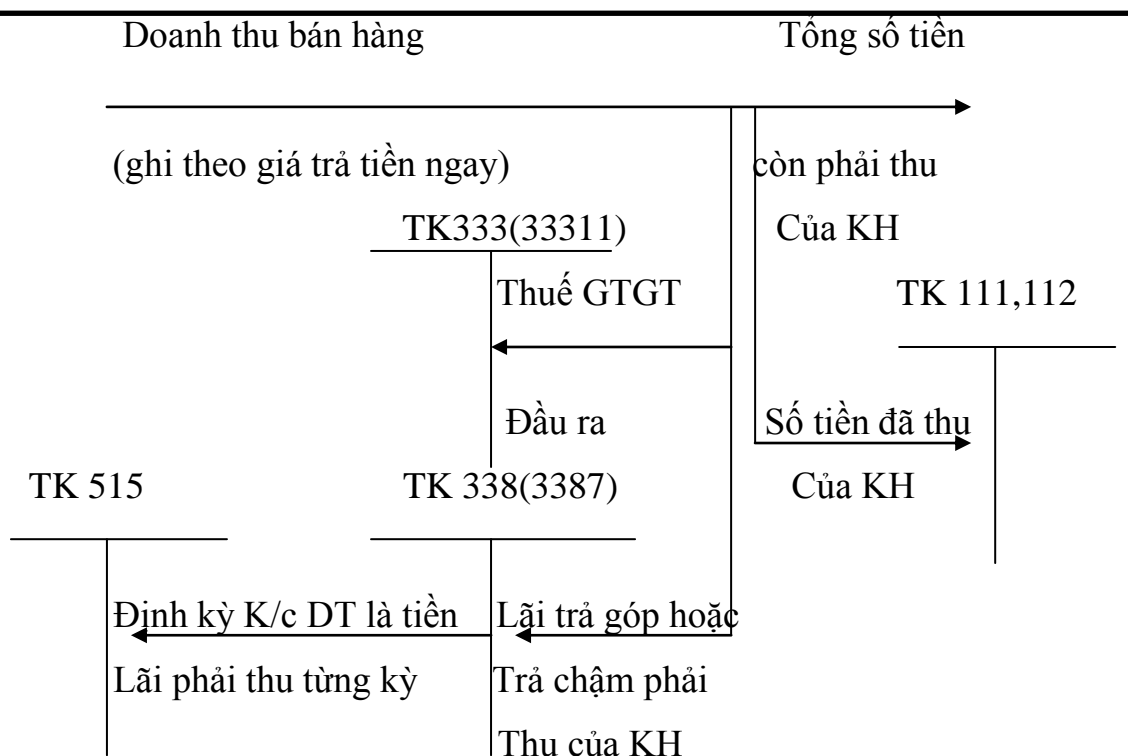


TH2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

Sơ đồ 2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm





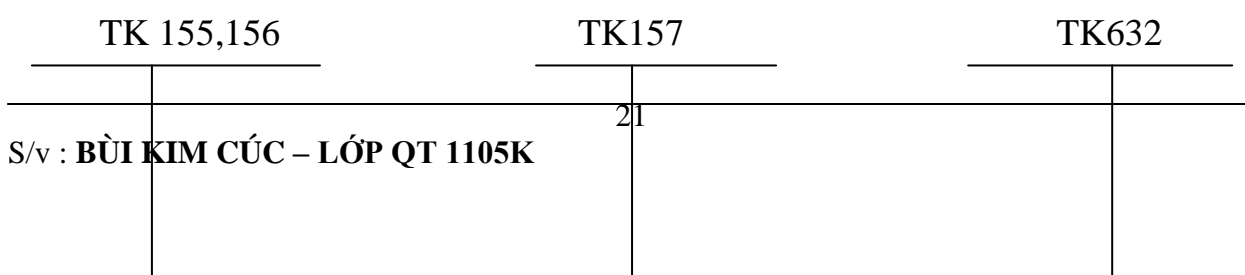
TH3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

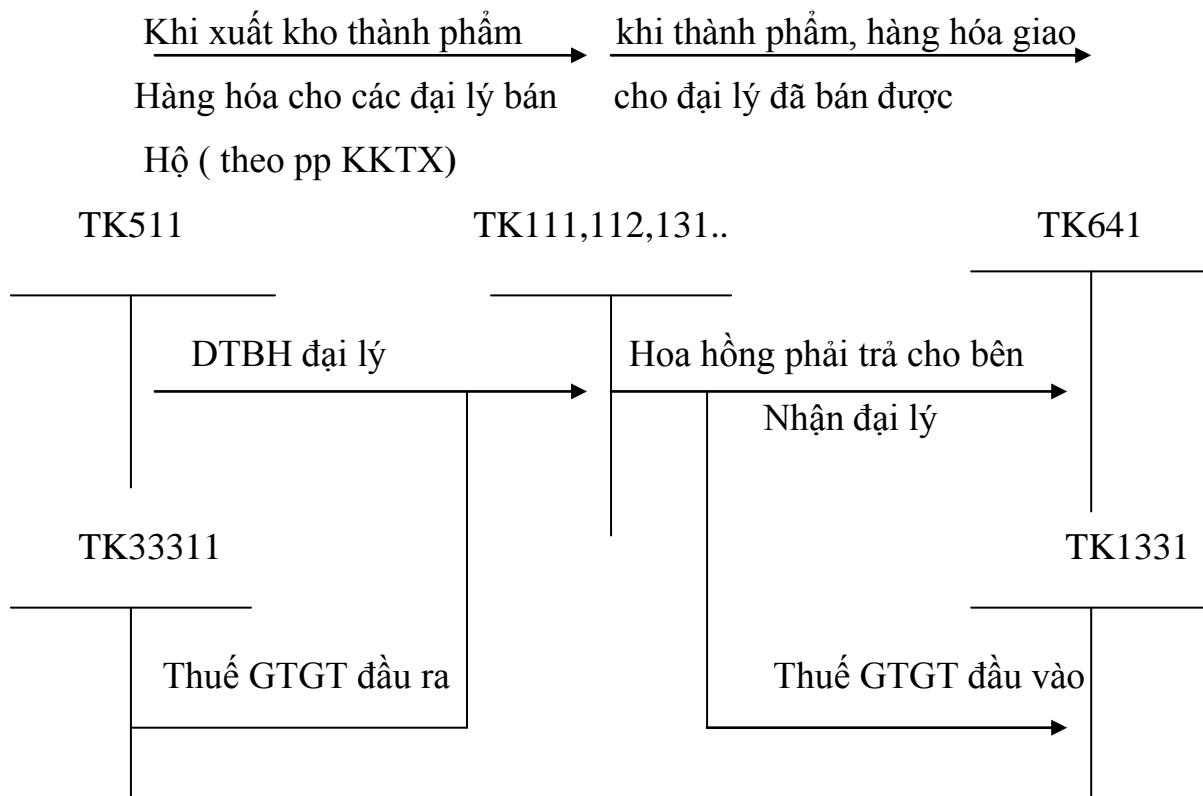
Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thu lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB(nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký .

Sơ đồ 3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:



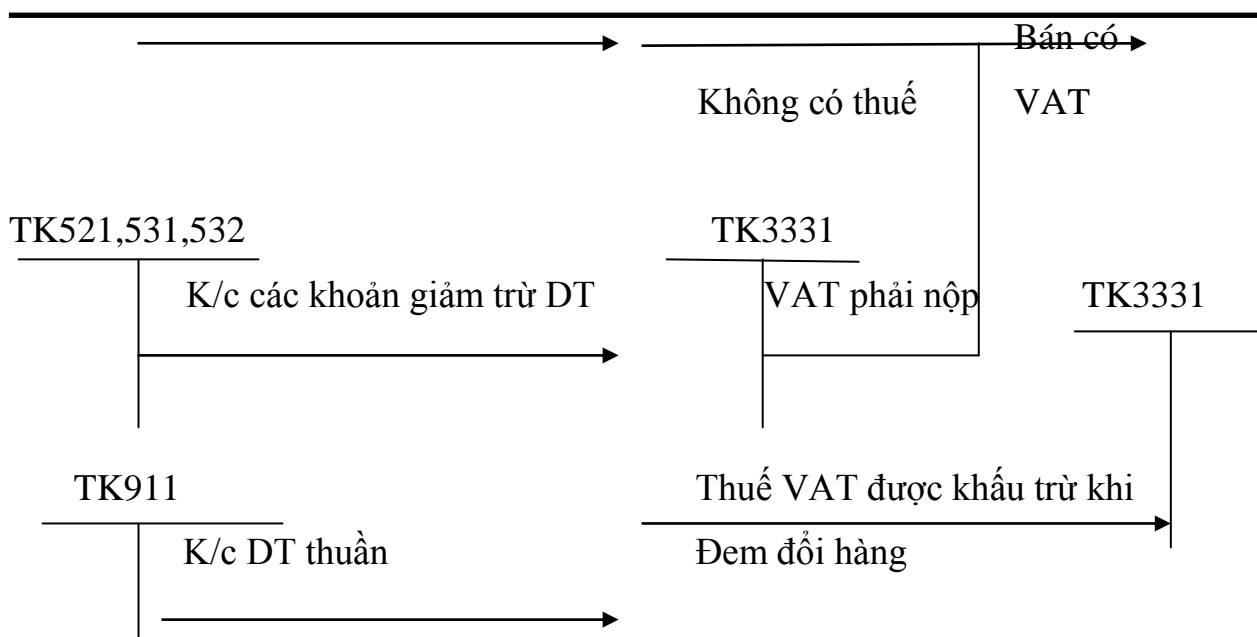


TH4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ nhận:

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu

Sơ đồ 4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

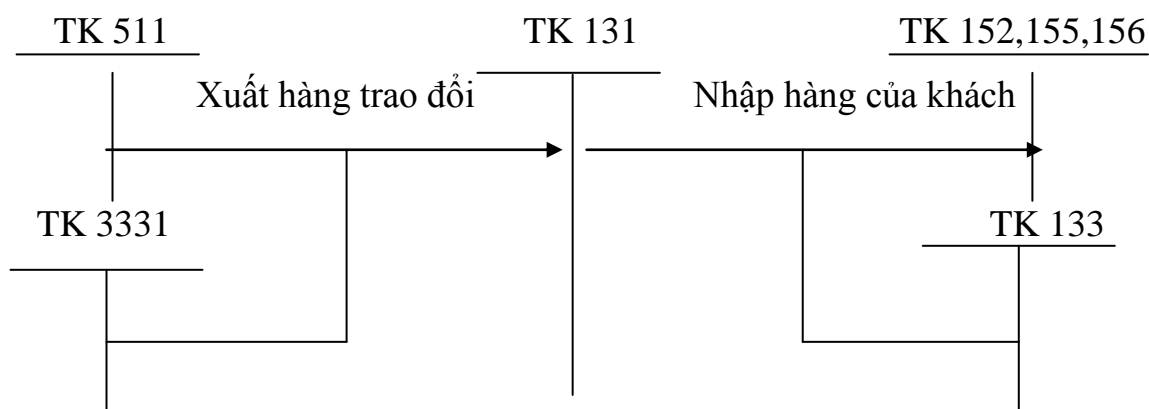
TK333 <hr/> Các loại thuế khác	TK511 <hr/> DT tiêu thụ	TK111,112,131 <hr/> Tổng giá
S/v : BÙI KIM CÚC – LỚP QT 1105K		



TH5: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự

Nếu doanh nghiệp bán hàng cho đại lý theo phương thức hàng đổi hàng, khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

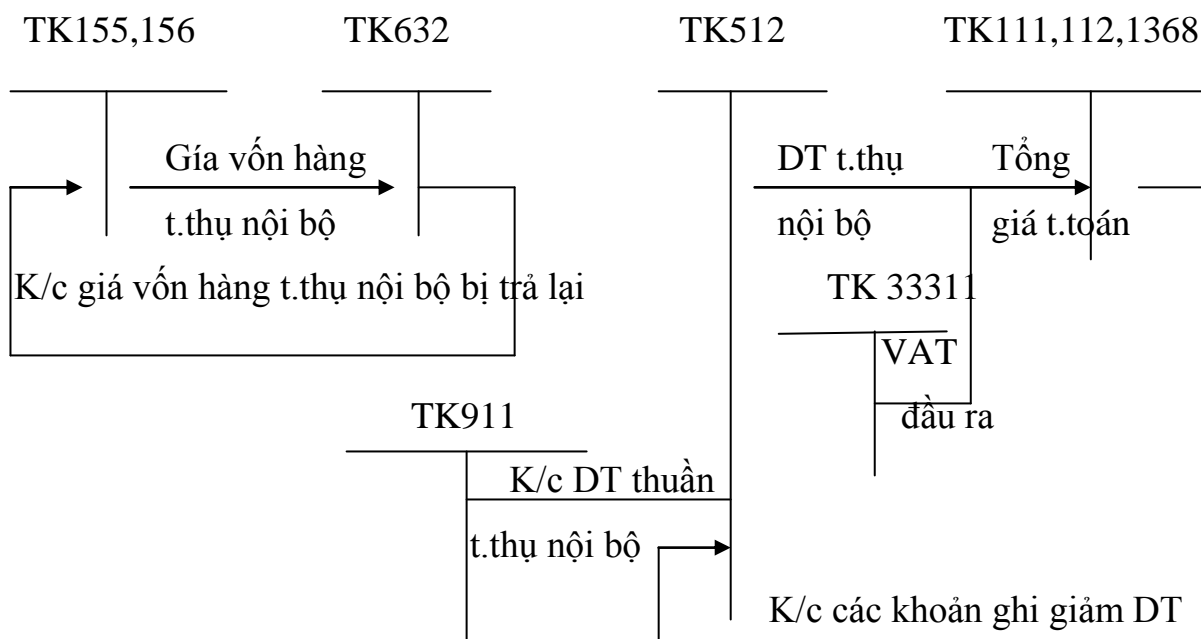
Sơ đồ 5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự:



TH6: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ

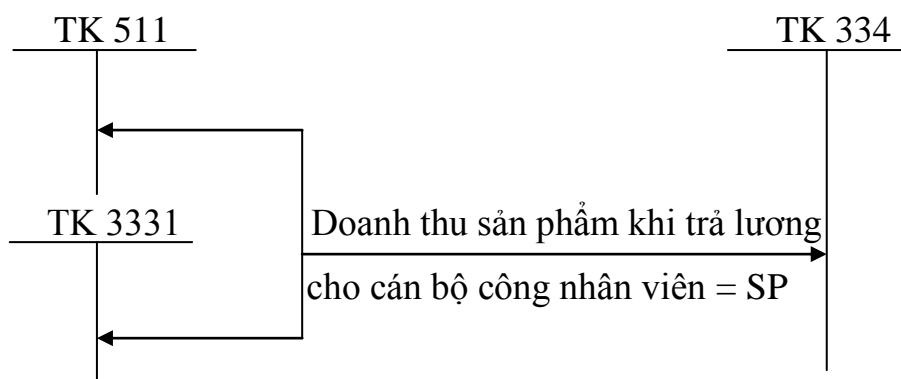
Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một Công ty, tổng Công ty...

Sơ đồ 6: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



TH7: Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hoá để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán như sau

Sơ đồ 7:



Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả. Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp

1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp để lập báo cáo tài chính.

a. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại : Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà Doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

TK521 không có số dư cuối kỳ và bao gồm 3 tài khoản cấp 3

TK5211 - Chiết khấu hàng hóa

TK5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại : Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ báo cáo.

Chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trong hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà Doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641.

Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán : Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm hàng hóa kém phẩm chất, không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán mất, kém phẩm chất....

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước : Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân hàng Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

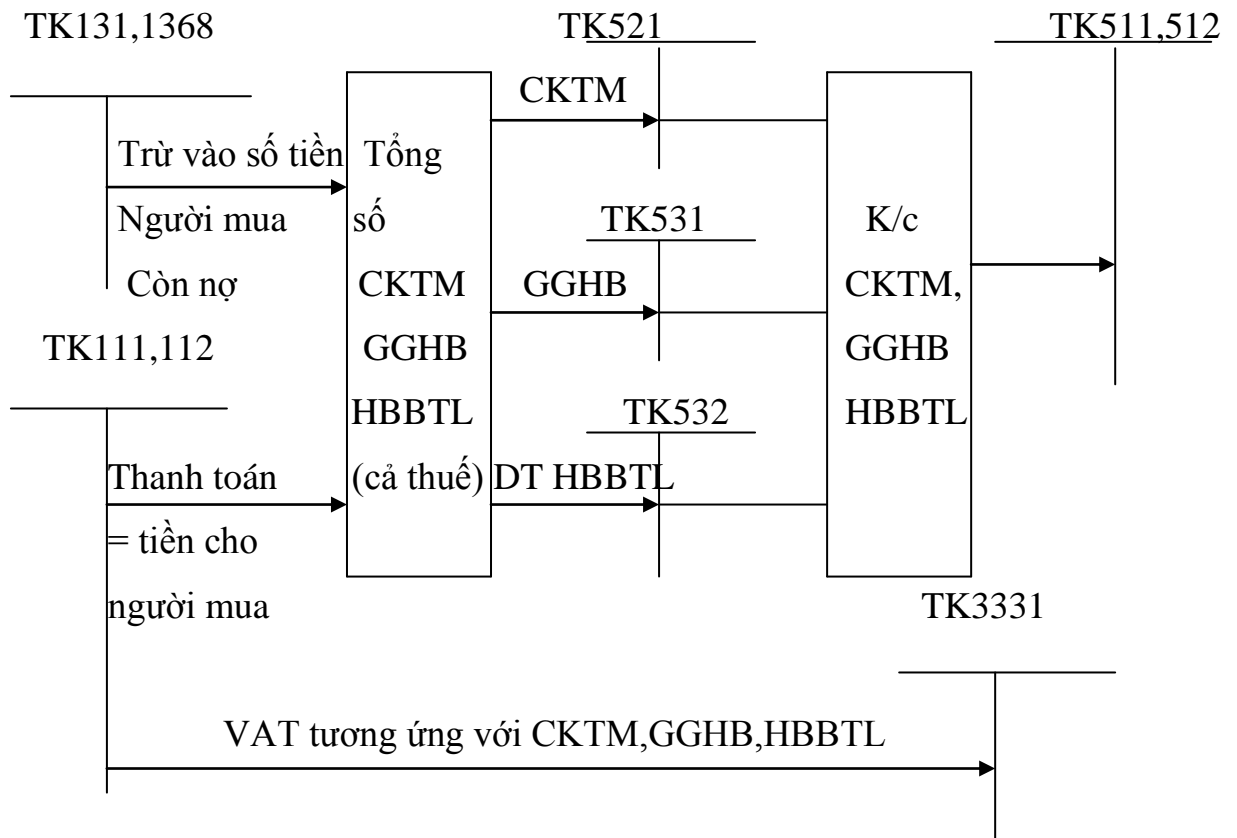
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp : sử dụng TK 3331
- Thuế TTĐB : sử dụng TK 3332
- Thuế xuất khẩu : sử dụng TK 3333

b. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

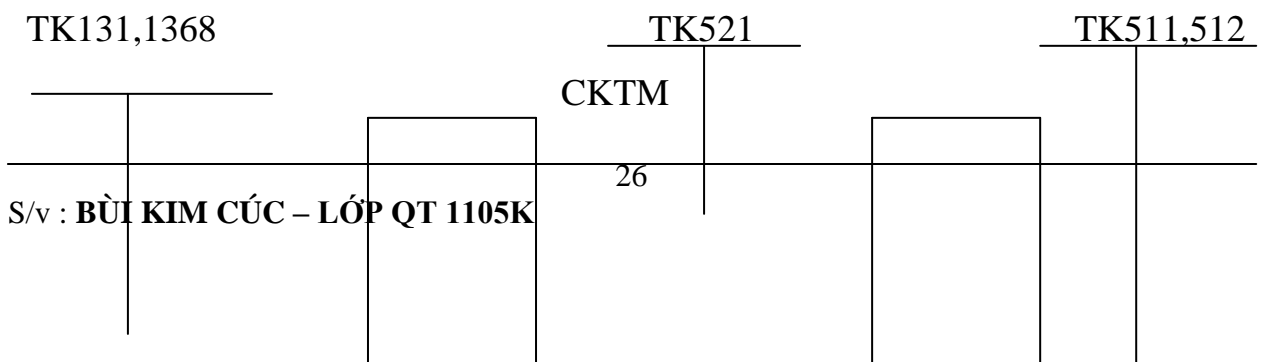
Sơ đồ 8 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

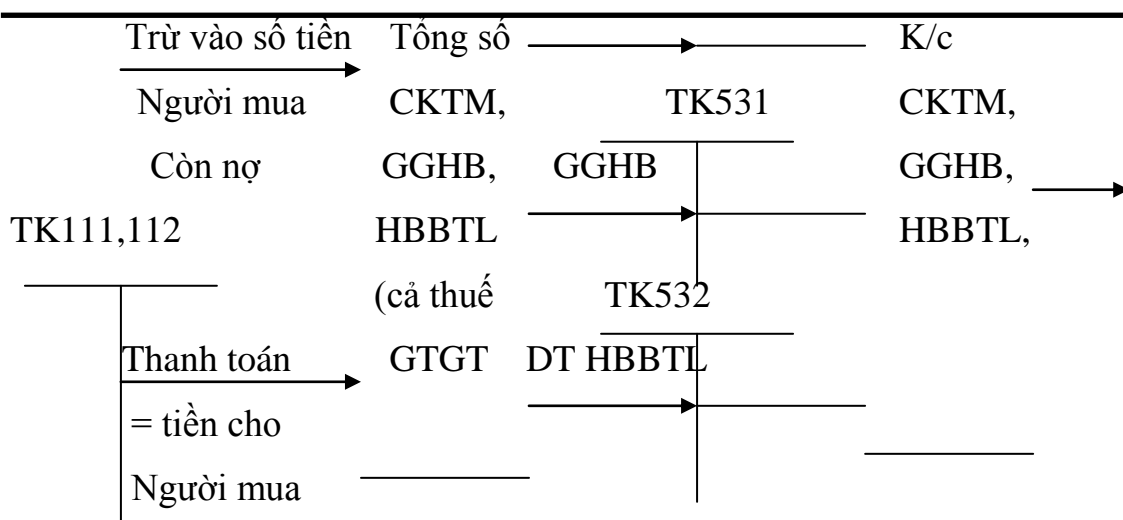


Sơ đồ 9 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

(trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



1.2.2 Kế toán các khoản thu nhập để xác định kết quả kinh doanh

1.2.2.1 Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do bên mua hàng hoá, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác. Doanh thu được ghi nhận vào TK 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Kết cấu của TK 515

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

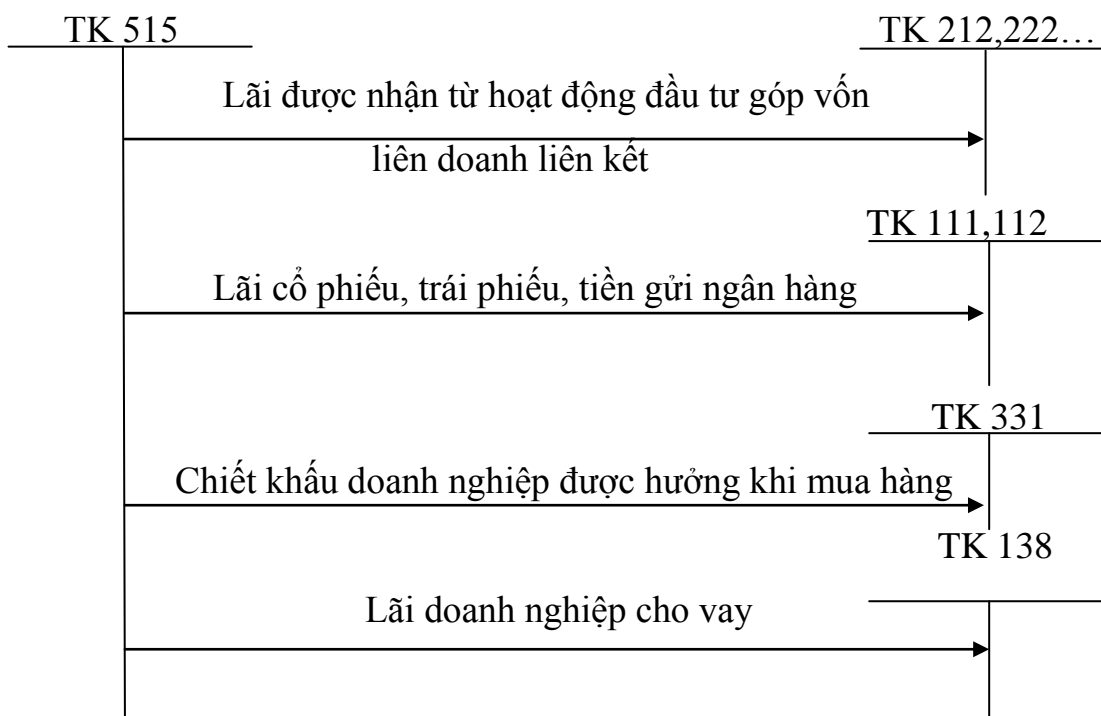
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.2.2 Kế toán thu nhập khác(TK 711)

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

Kết cấu của TK 711:

Bên nợ:

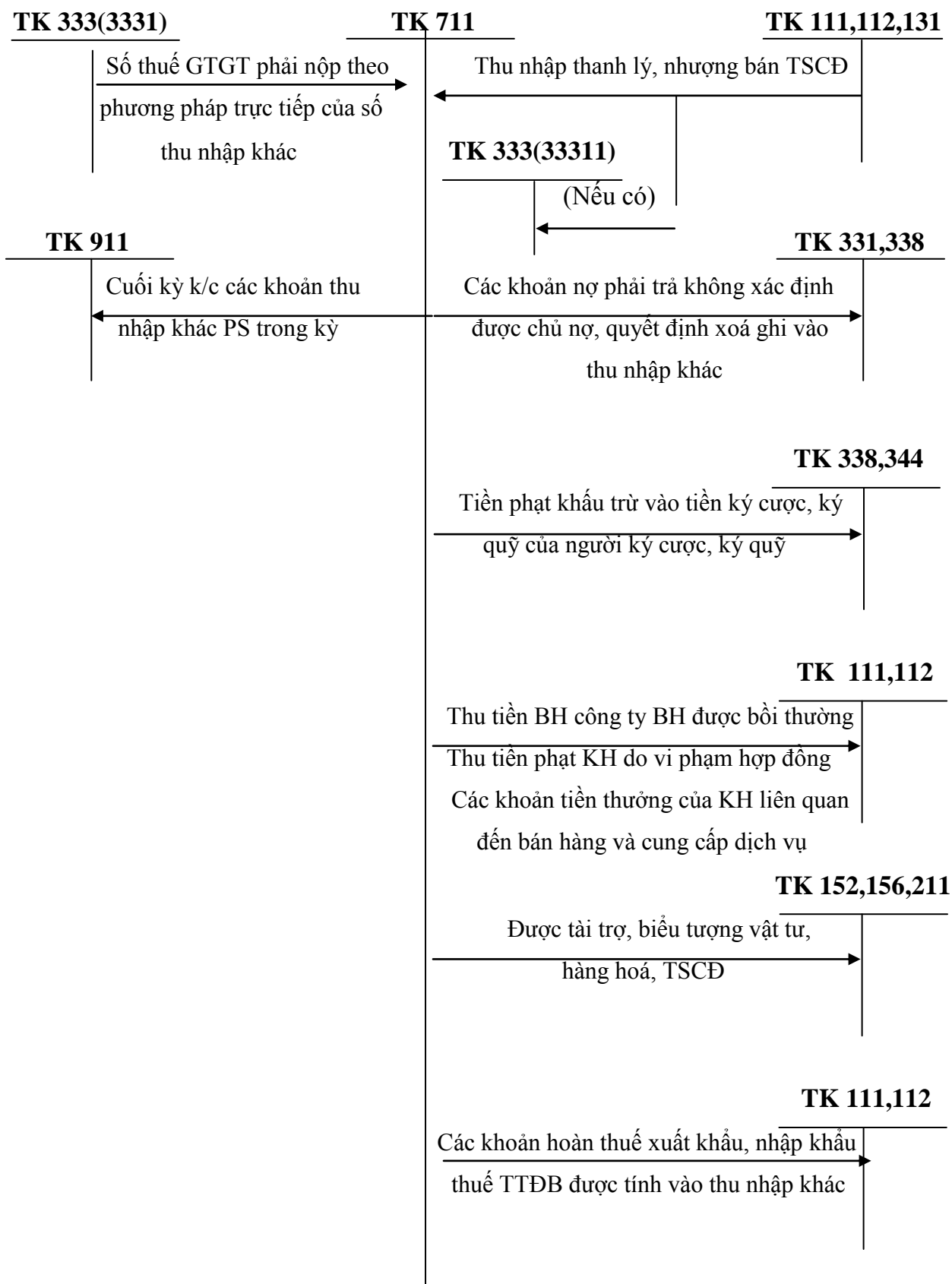
Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911

Bên có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Sơ đồ 11 : Kế toán thu nhập khác



1.2.3 Kế toán giá vốn, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

1.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a, Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán

Để xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng bao gồm: Trị giá vốn hàng tồn kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho số hàng đã bán. Việc xác định chính xác giá vốn hàng bán là cơ sở để tính kết quả hoạt động kinh doanh

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán:

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Do mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng, yêu cầu trình độ quản lý, điều kiện trang bị kỹ thuật khác nhau mà phương pháp xác định trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho phù hợp. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

➤ *Phương pháp tính theo giá đích danh*

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó

➤ *Phương pháp bình quân gia quyền*

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực tế của} \\ \text{hàng tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị mua thực tế của hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{Quân sau mỗi} \\ \text{Lần nhập } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau mỗi lần nhập } i}$$

➤ Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng

➤ Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên

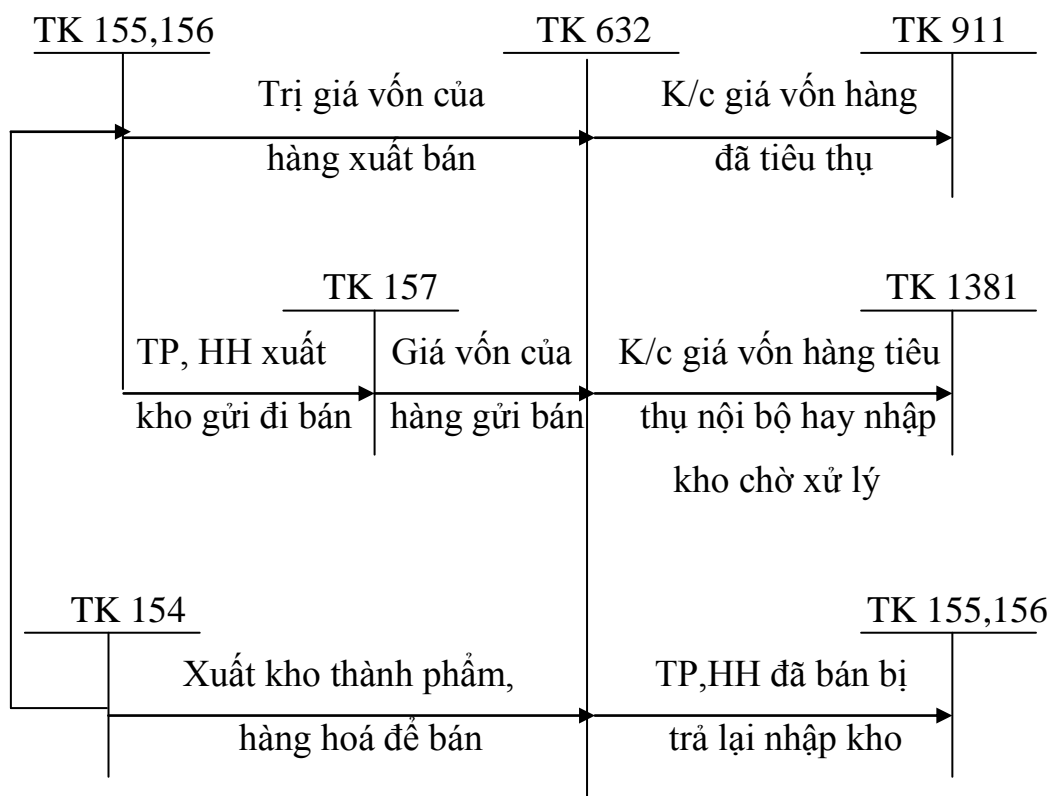
b , Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo chứng từ nhập – xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho đã được trình bày ở phần trên

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 12: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



c, Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

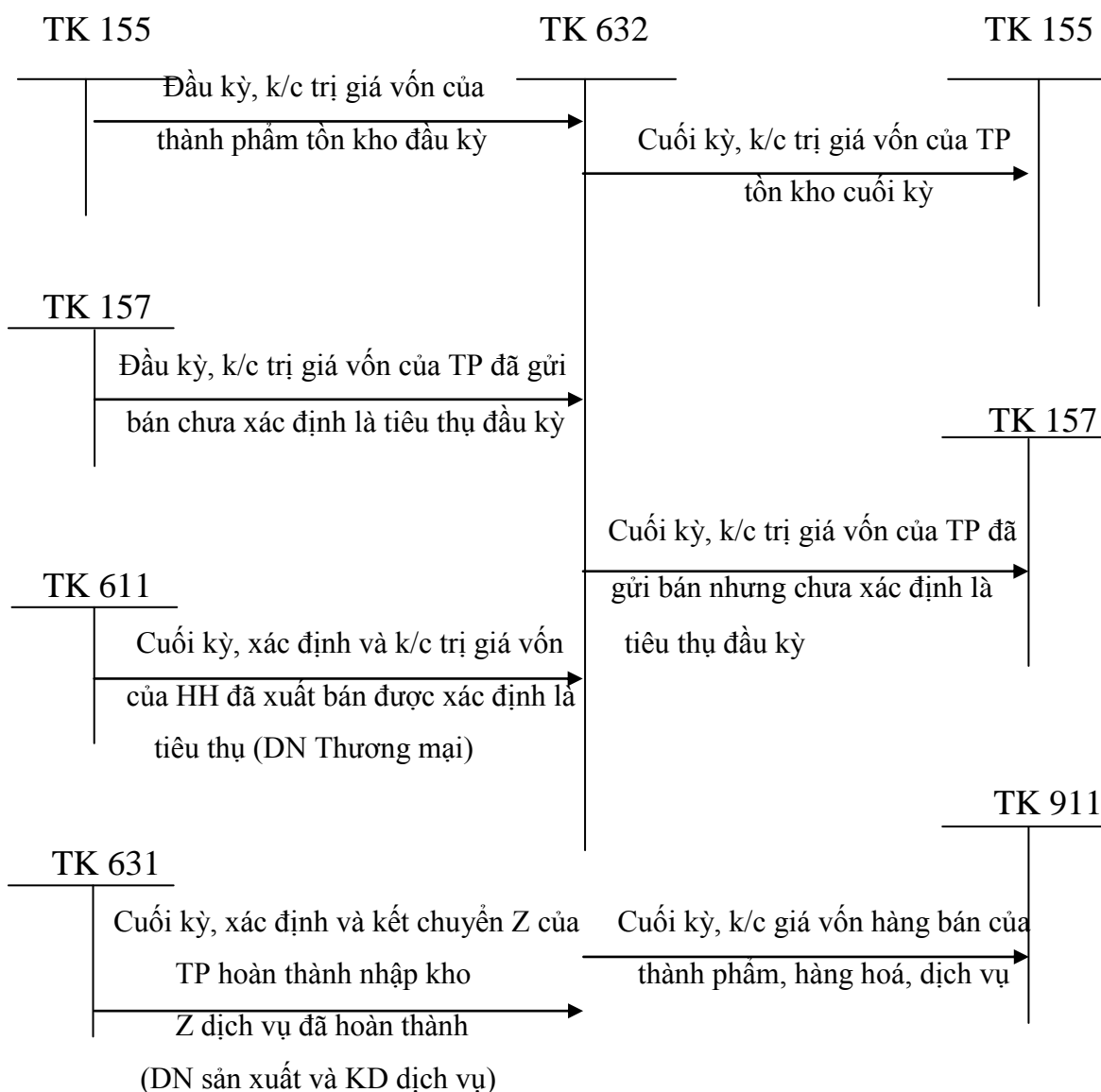
Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh trị giá vô thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo rỗi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vô của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức :

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} & & \text{Số lượng} \\
 \text{hàng xuất} & = & \text{hàng tồn} & + & \text{hàng nhập} & - & \text{hàng tồn} \\
 \text{kho} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chứng từ sử dụng trong phương pháp này là phiếu xuất kho kiêm hoá đơn bán hàng, trên chứng từ bán hàng có chữ ký của khách hàng nhận hàng và các chứng từ liên quan khác như phiếu thu, giấy báo có, giấy nhận nợ do khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán

Sơ đồ 13: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức KKĐK



Các chứng từ sổ sách ghi chép:

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo co của ngân hàng...

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá, thành phẩm kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời phải ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng Thẻ kho

Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng Bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

1.2.3.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí HĐTC bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác
- Chi phí tài chính khác

Kết cấu của Tài khoản 635

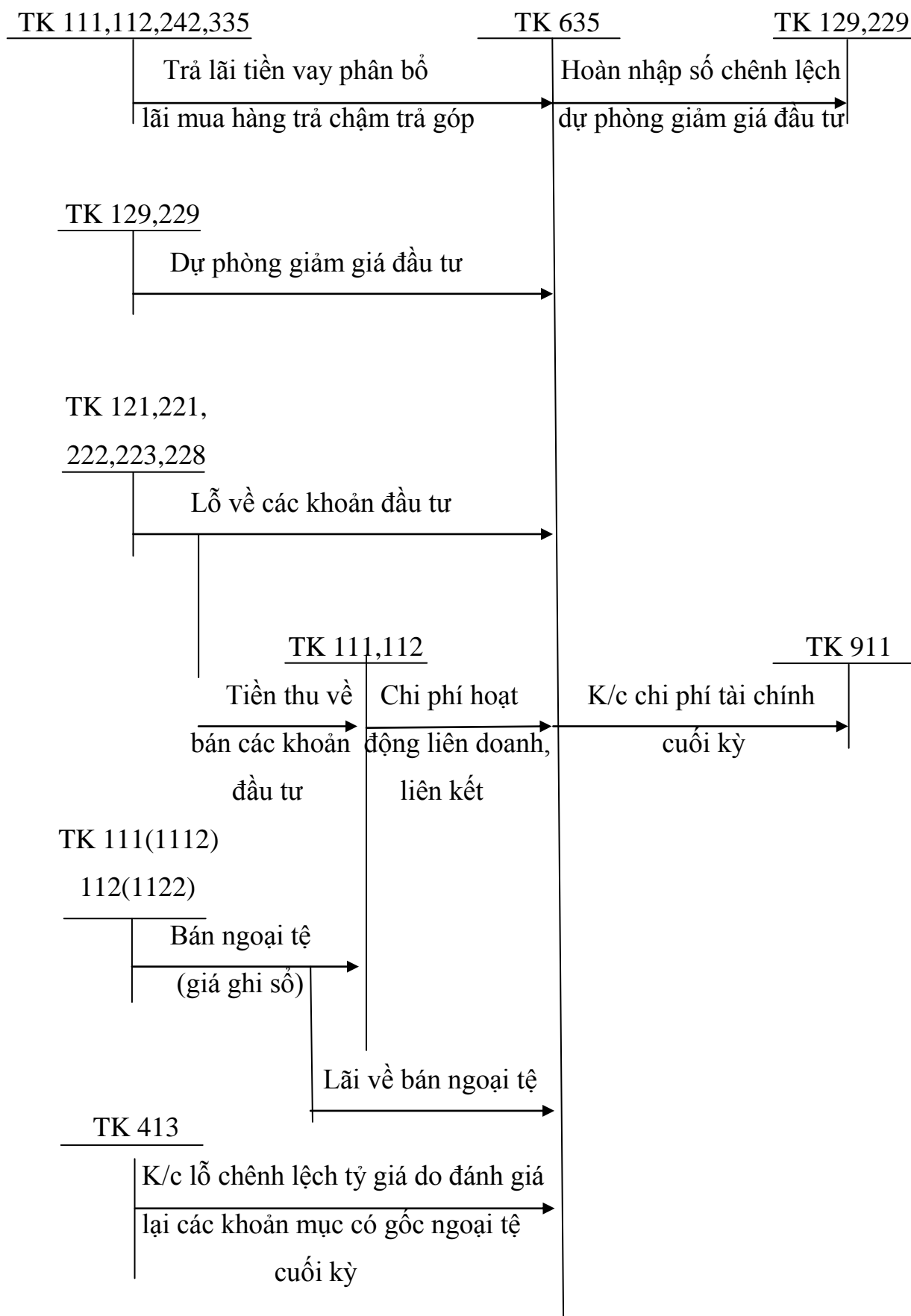
Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Sơ đồ 14: Kế toán chi phí tài chính



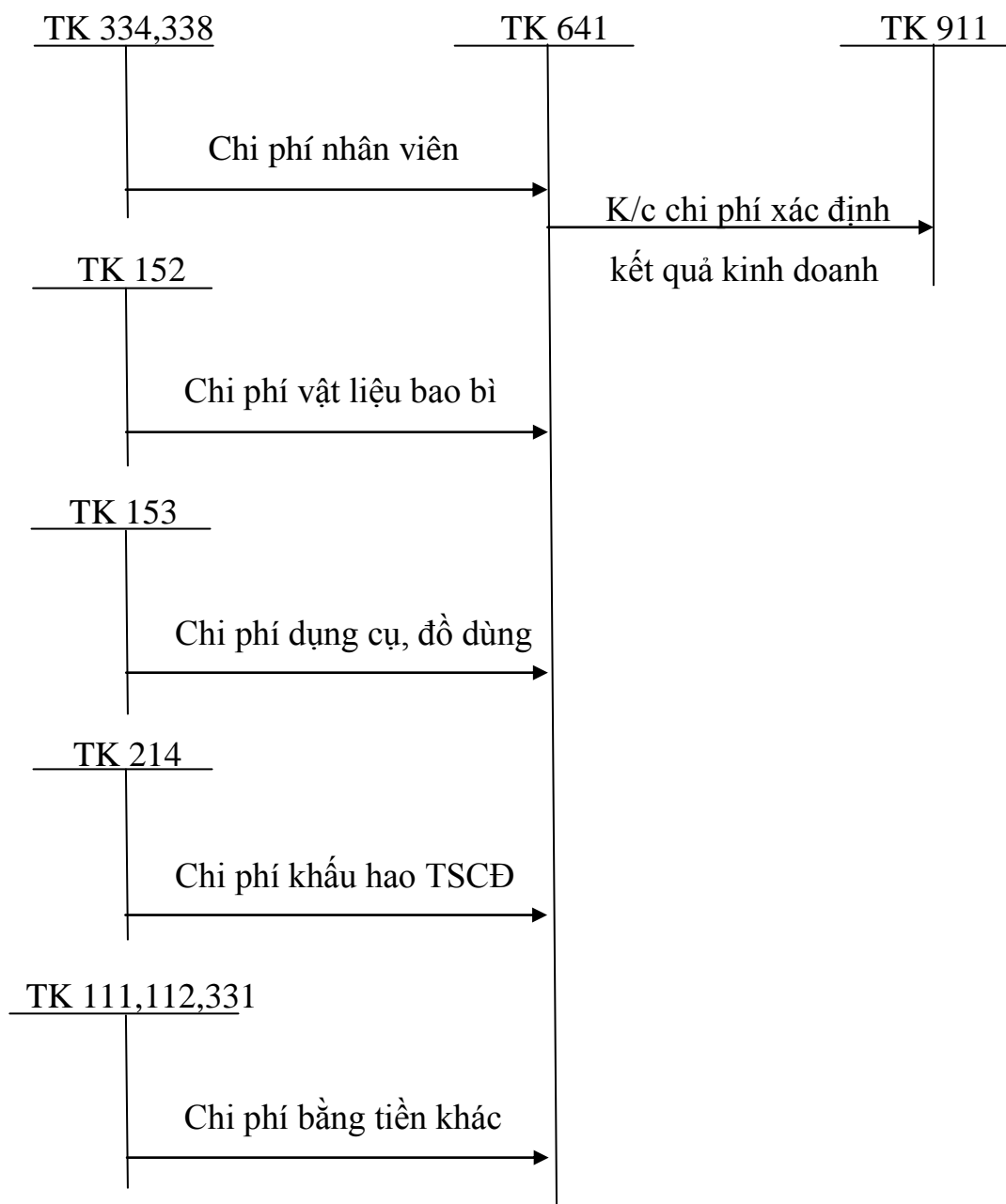
1.2.3.3 Kế toán chi phí bán hàng

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kế toán tập hợp đến cuối kỳ để thực hiện kết chuyển hoặc phân bổ xác định kết quả kinh doanh. Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp, cuối kỳ sản xuất kinh doanh và tùy thuộc vào doanh thu tiêu thụ trong kỳ để kế toán kết chuyển hoặc phân bổ chi phí bán hàng

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên bán hàng, vật liệu, dụng cụ, bao bì, đồ dùng, khấu hao TSCĐ, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ tài khoản 911.

Sơ đồ 15: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



Các chứng từ sổ sách ghi chép:

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị tạm thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ sách kế toán theo hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ được căn cứ vào mức độ (quy mô) phát sinh chi phí, vào doanh thu bán hàng ghi và vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp sao cho bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142 (1422- Chi phí chờ kết chuyển). Số chi phí này sẽ được kết chuyển, một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

Công thức phân bổ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí BH phân} \\ \text{bổ cho hàng còn} \\ \text{lại cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí BH chưa} \\ \text{phân bổ đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí BH phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá hàng còn} \\ \text{lại cuối kỳ} \end{array}} \cdot \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{hàng còn} \\ \text{lại cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí BH phân bổ} \\ \text{cho hàng đã bán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí BH} \\ \text{chưa phân bổ} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí BH} \\ \text{còn lại cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

1.2.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

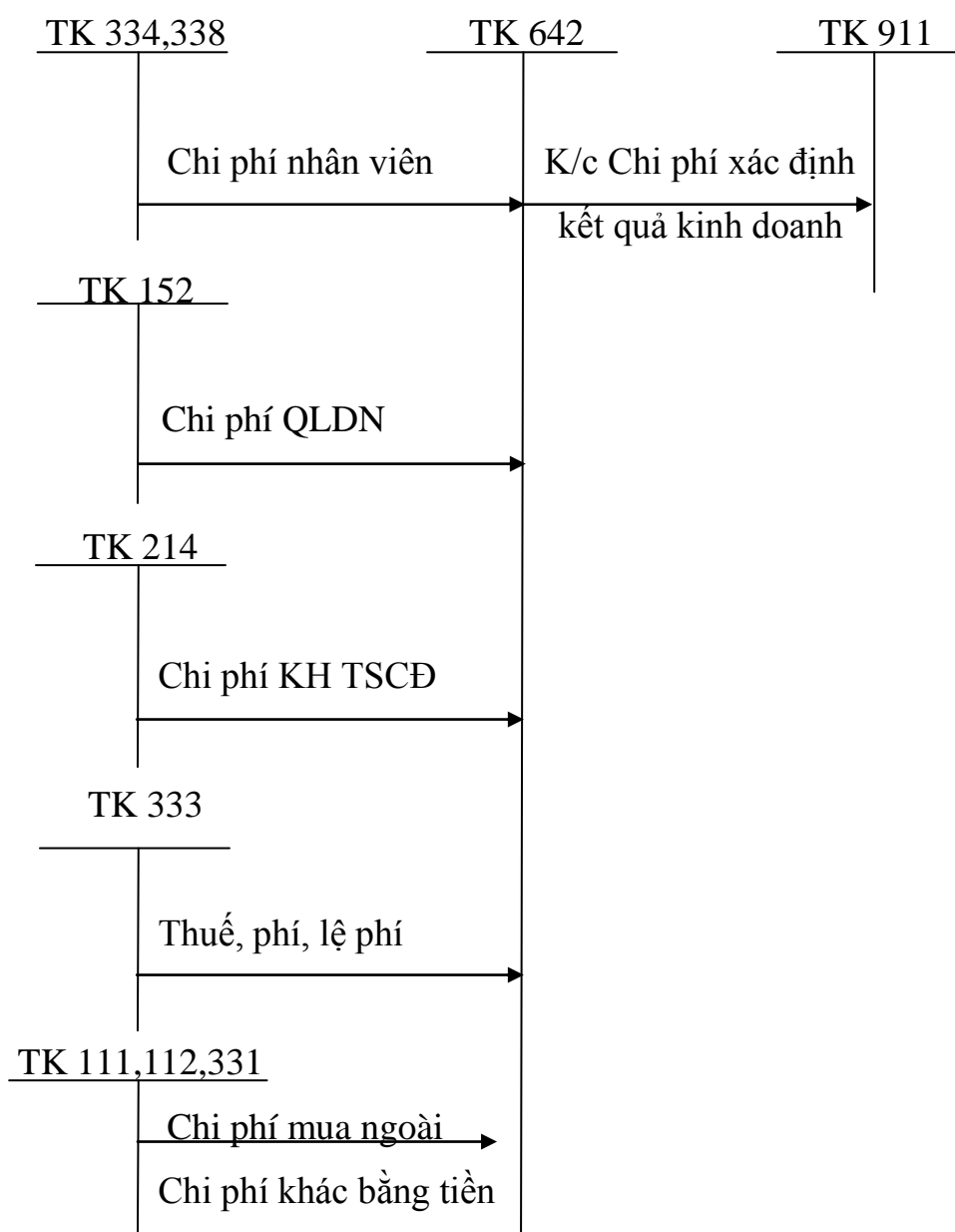
Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tuy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

được mở thêm một số tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Sơ đồ 16: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Các chứng từ sổ sách ghi chép:

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...

- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.

- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ sách kế toán theo hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng

Cuối kỳ hạch toán, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh. Trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài hạn, trong kỳ có ít hoặc không có sản phẩm tiêu thụ, để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, kế toán kết chuyển một phần chi phí quản lý sang tài khoản 142 (1422) để chờ phân bổ trong những kỳ tiếp theo

1.2.3.5 Kế toán chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Các khoản chi phí khác

Kết cấu của Tài khoản 811

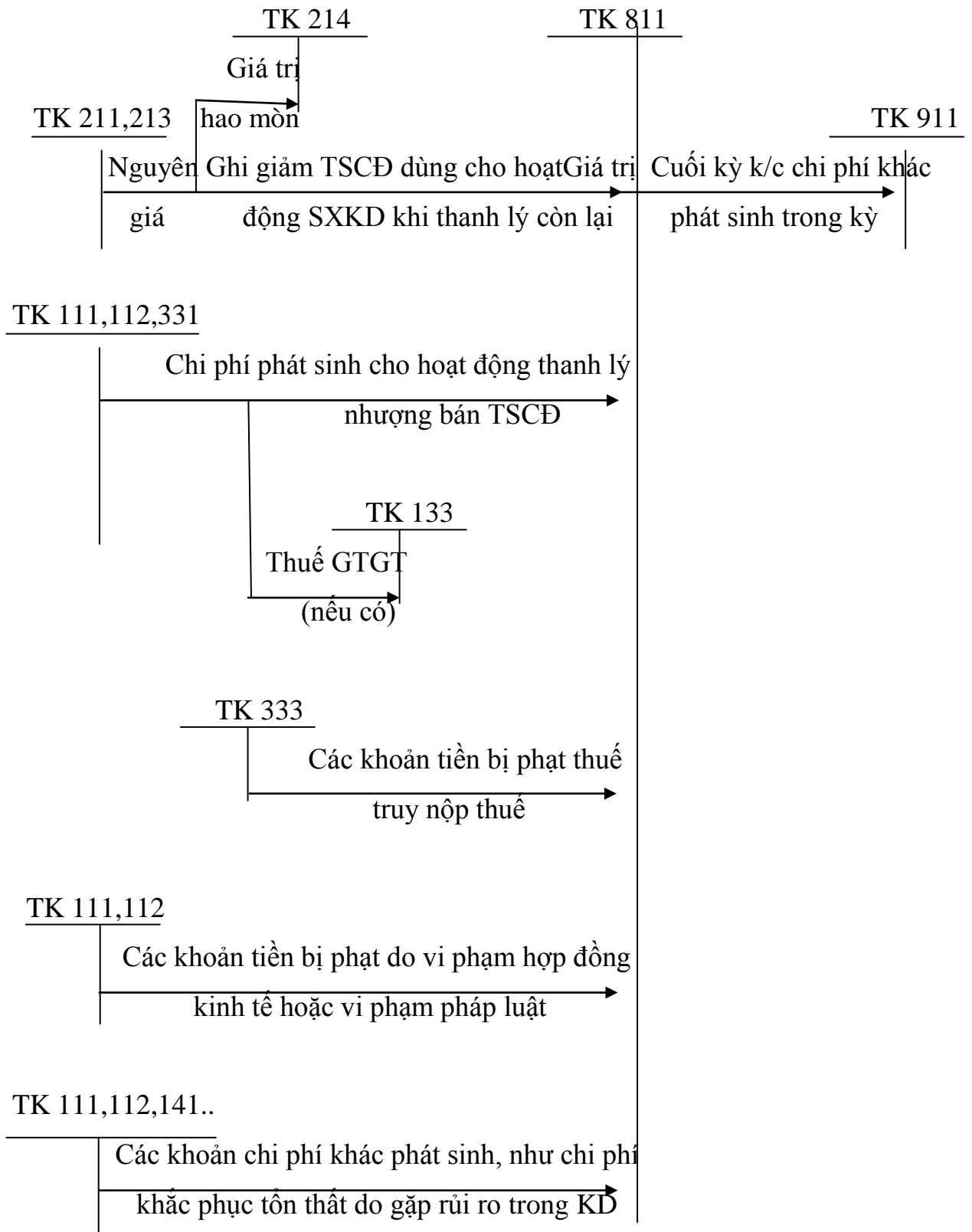
Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào

Sơ đồ 17: Kế toán chi phí khác



1.2.4 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.4.1 Kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, kiểm định vị thế của mình trên thương trường kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ đưa hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

Để tránh được những rủi ro trong kinh doanh, lãnh đạo doanh nghiệp phải theo dõi thường xuyên kết quả kinh doanh có vậy mới có thể kịp thời tháo gỡ khó khăn, định hướng những kỳ sắp tới. Muốn đạt được điều đó, phải cần đến thông tin của kế toán đặc biệt là kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Kết quả kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính

- Kết quả bán hàng chính là kết quả hoạt động kinh doanh chính và được biểu hiện dưới chỉ tiêu lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần về bán hàng

- Lợi nhuận gộp là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán

- Lợi nhuận thuần về bán hàng được xác định là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{bán hàng} & = & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{bán hàng} & - & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Doanh thu} & & \text{Tổng DT tiêu} & & \text{Giảm giá hàng bán,} & & \text{Thuế xuất khẩu,} \\ \text{thuần} & = & \text{thụ hàng hoá} & - & \text{hàng bán bị trả lại} & - & \text{thuế nhập khẩu} \end{array}$$

Để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” và TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” và một số tài khoản khác

1.2.4.2 Nội dung, yêu cầu xác định kết quả bán hàng

Nhận biết tầm quan trọng của việc xác định kết quả đòi hỏi kế toán xác định kết quả phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép chính xác các chi phí phát sinh trong kỳ, phân bổ đúng cho các đối tượng chịu chi phí

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, và chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh giúp lãnh đạo quản lý điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, giúp cơ quan thuế kiểm tra tình hình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thông qua việc ghi chép kế toán kết quả hoạt động kinh doanh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a , Phương pháp kế toán xác định kết quả bán hàng

Chứng từ sử dụng: Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối - TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

b , Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

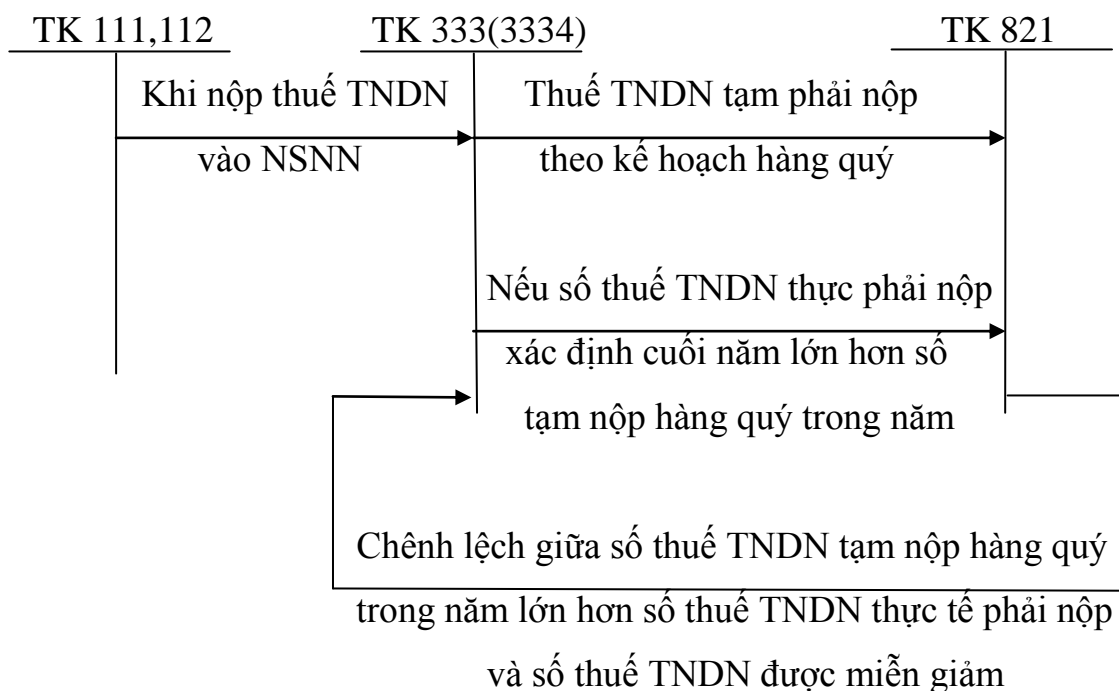
TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - TK này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

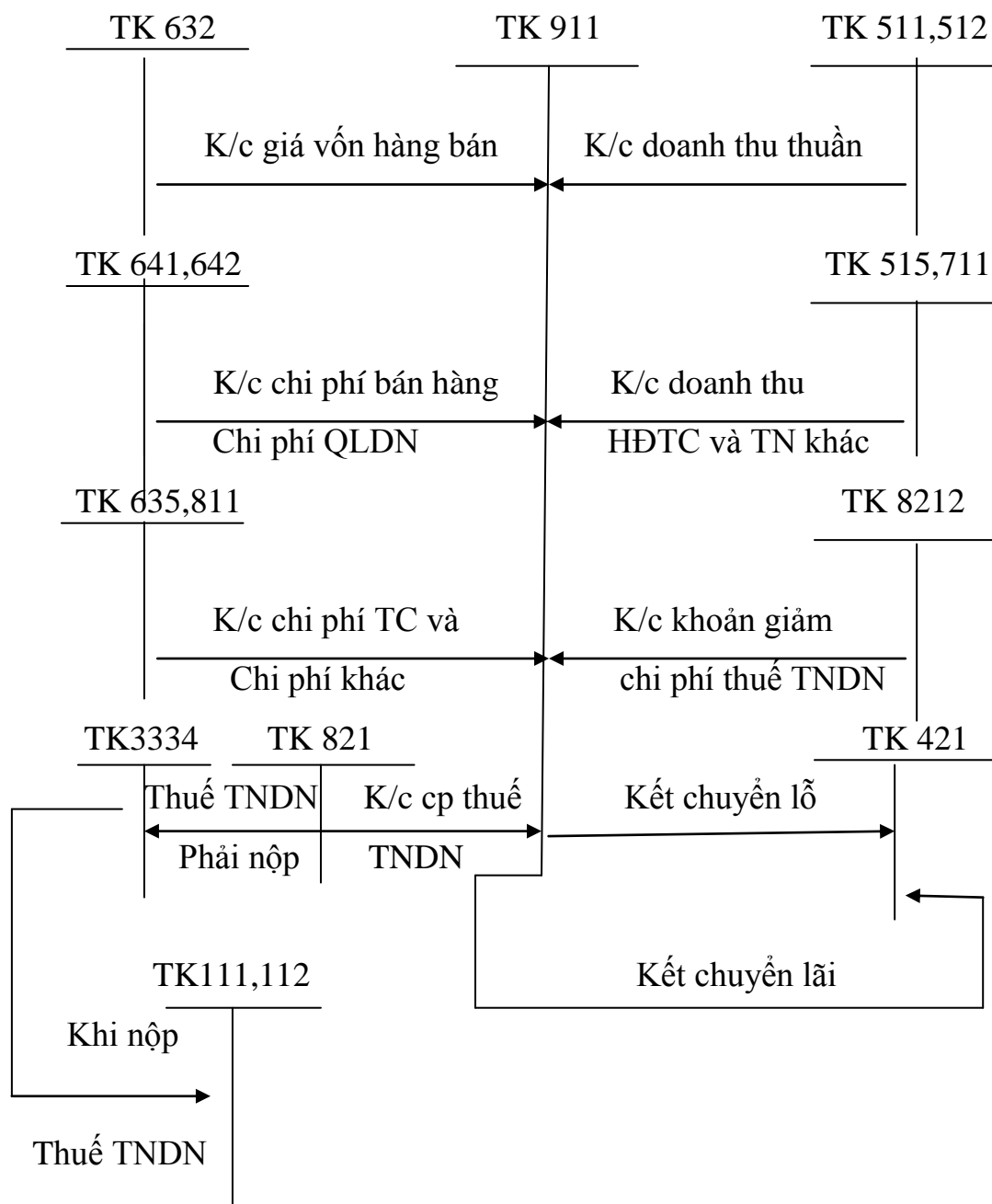
Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

Sơ đồ 18: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)



Sơ đồ 19: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 : SỔ SÁCH KẾ TOÁN HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TRONG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

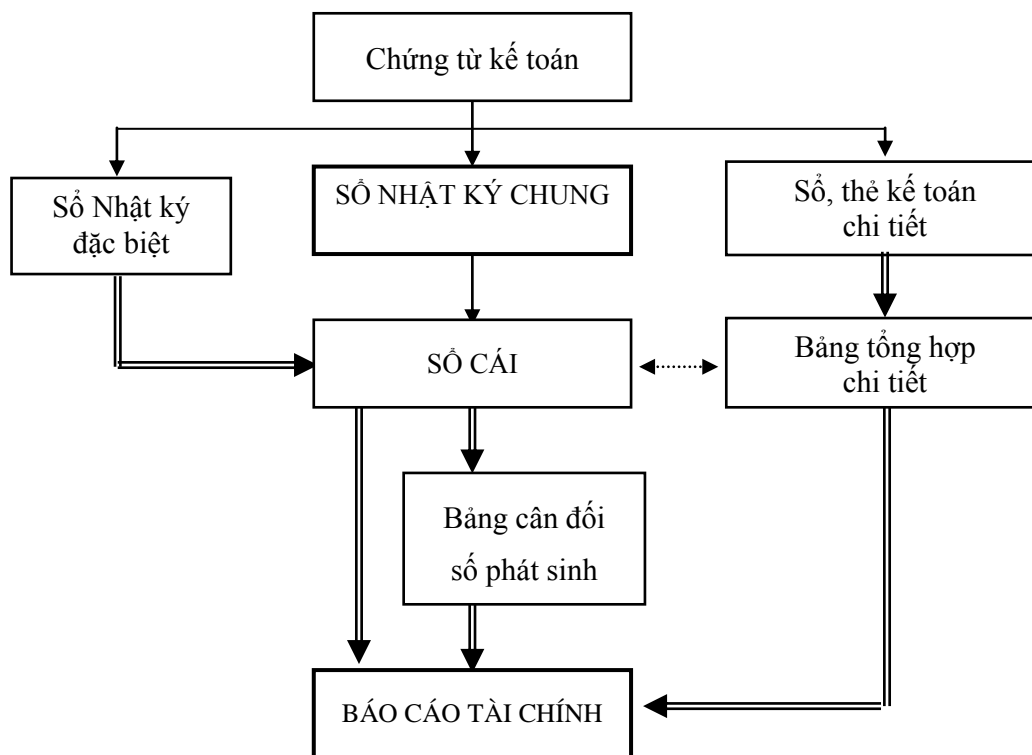
Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Biểu 01: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

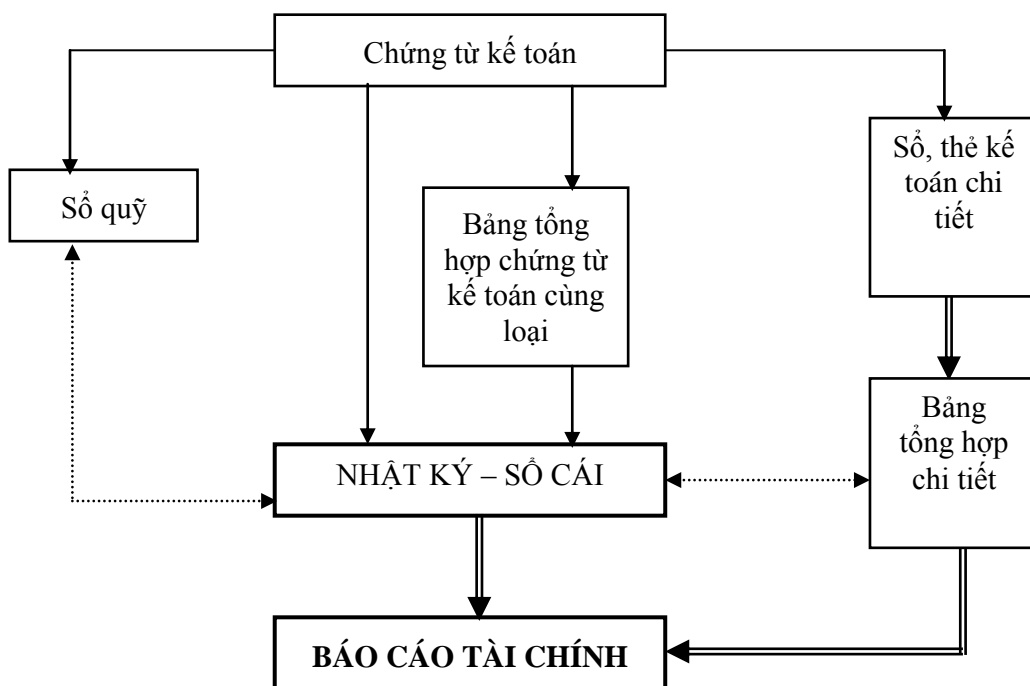
$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{Nợ của tất cả các} \\ \text{Tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{Có của tất cả các} \\ \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Biểu 02: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Sổ Cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi

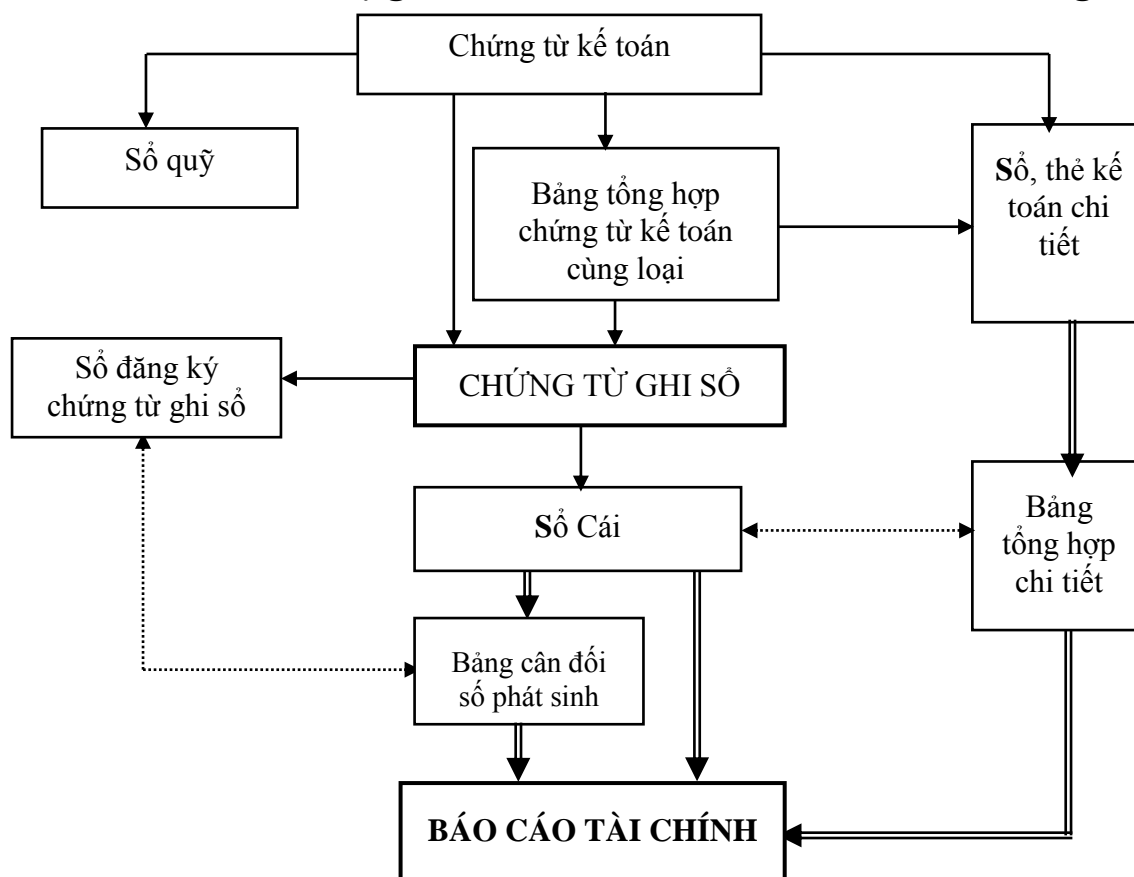
sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Biểu 03: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng Từ Ghi Sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

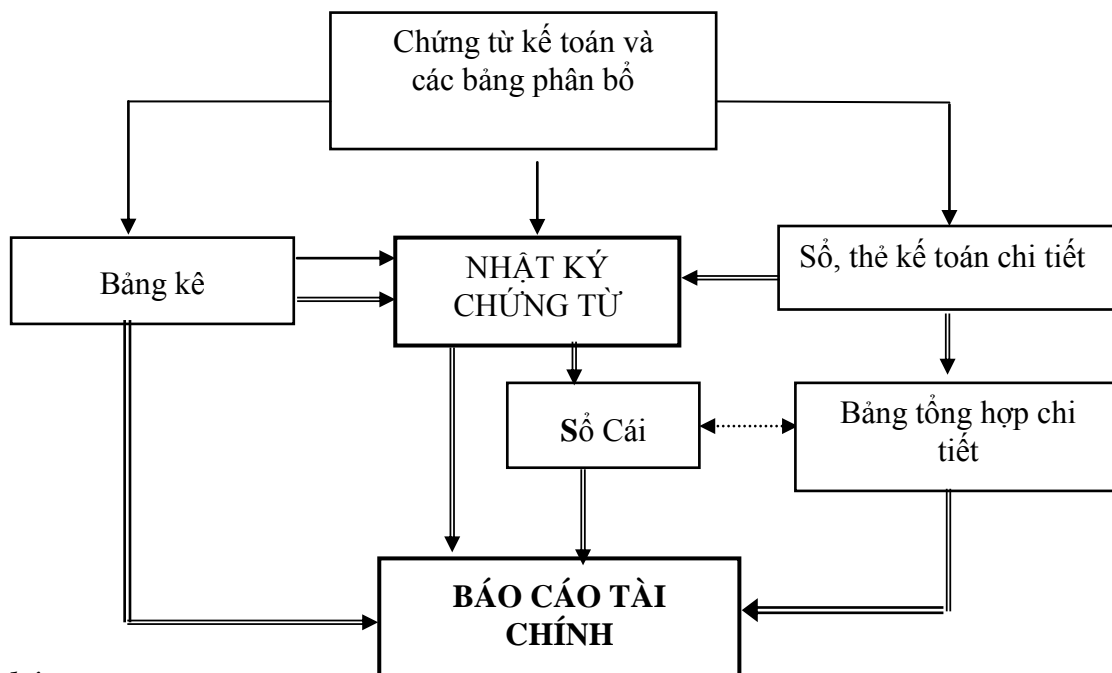
Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Biểu 04: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký – Chứng Từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

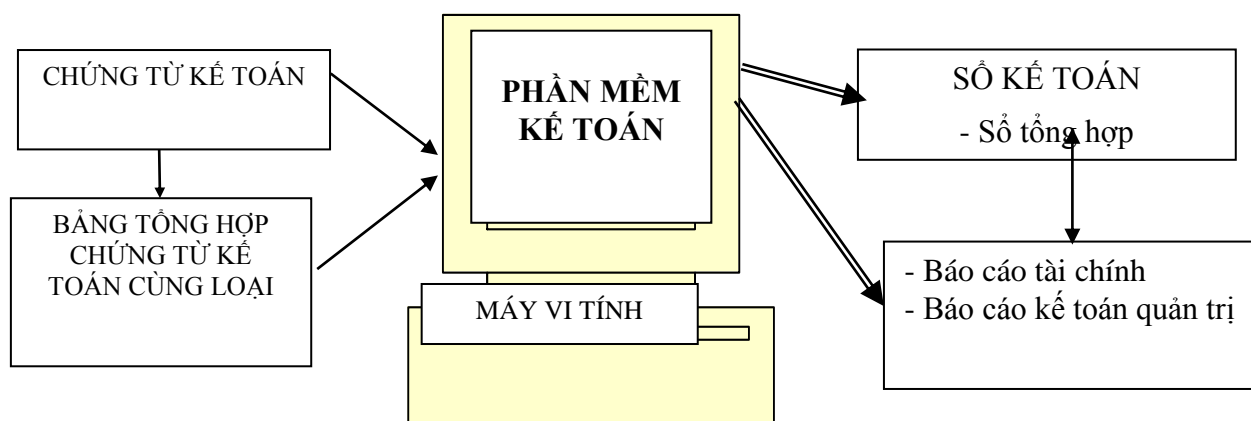
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Biểu số 05: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI

2.1 ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SX – KD CỦA CÔNG TY TNHH MINH HẢI

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Minh Hải

Tên Doanh nghiệp: Công ty TNHH Minh Hải

Địa chỉ: Cụm công nghiệp số 4 Ngô Quyền - phường Cẩm Thượng - Thành Phố
Hải Dương

Điện Thoại: 0320.3896.896 - 3896.399

Fax: 03203.895566

Email: minhhaihq@yahoo.com.vn

Web: www.ricco.com.vn

Chi nhánh: Kim động - Hưng Yên

Công ty TNHH Minh Hải được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800263569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 21 tháng 06 năm 2002 với số vốn điều lệ là 5.100.000.000đ. Do 05 thành viên tham gia sáng lập. Trụ sở chính của Công ty đặt tại khu Công nghiệp phía tây Ngô Quyền, phường Cẩm thượng, thành phố Hải Dương.

Ngành nghề SXKD chính của Công ty là: mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, ngoại thất, hàng điện tử gia dụng, khung nhôm cửa kính, nội thất VP.. Với chiến lược đúng đắn, rõ ràng của ban giám đốc cùng tinh thần đoàn kết, lao động nhiệt tình của CBCNV, các sản phẩm của Công ty cung cấp cho thị trường đã được người tiêu dùng đánh giá rất cao trong nhiều năm qua

Trong nhiều năm qua Công ty TNHH Minh Hải đã cố gắng nỗ lực không ngừng trong SXKD và đã đạt được những kết quả đáng kính lệ. Doanh thu và lợi

nhuận hàng năm tăng (năm sau cao hơn năm trước) thu nhập bình quân đầu người tăng, đời sống của người lao động ngày càng được cải thiện

Với chiến lược đúng đắn, rõ ràng của ban giám đốc cùng tinh thần đoàn kết, lao động nhiệt tình của 100 cán bộ công nhân viên. Các mặt hàng, sản phẩm của Công ty cung cấp đã được bạn hàng và người tiêu dùng đánh giá rất cao trong nhiều năm qua. Doanh thu hàng năm tăng, Các mặt hàng chủ yếu như thanh nhôm định hình chiếm trên 80%, gạch ceramic - granite chiếm trên 50% thị trường Hải Dương và Hưng Yên. Ngày 24/3/2005 công ty đã quyết định đầu tư xây dựng trung tâm thương mại vật liệu xây dựng nội thất và điện tử (Minh Hải PLAZA) tại đường Ngô Quyền –TP Hải Dương. Với vốn đầu tư xây dựng trên 55 tỷ VNĐ. Đến tháng 12 năm 2006 giai đoạn 1 đã hoàn tất gồm 4 sàn, tổng diện tích sử dụng 10.600m² . Qua sự lớn mạnh và phát triển không ngừng của công ty TNHH Minh Hải. đến đầu năm 2010 ban giám đốc công ty quyết định đầu tư và mở rộng thêm 1 Công ty nữa nhằm sản xuất và chế biến thành phẩm phục vụ cho hệ thống bán hàng của siêu thị.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Minh Hải.

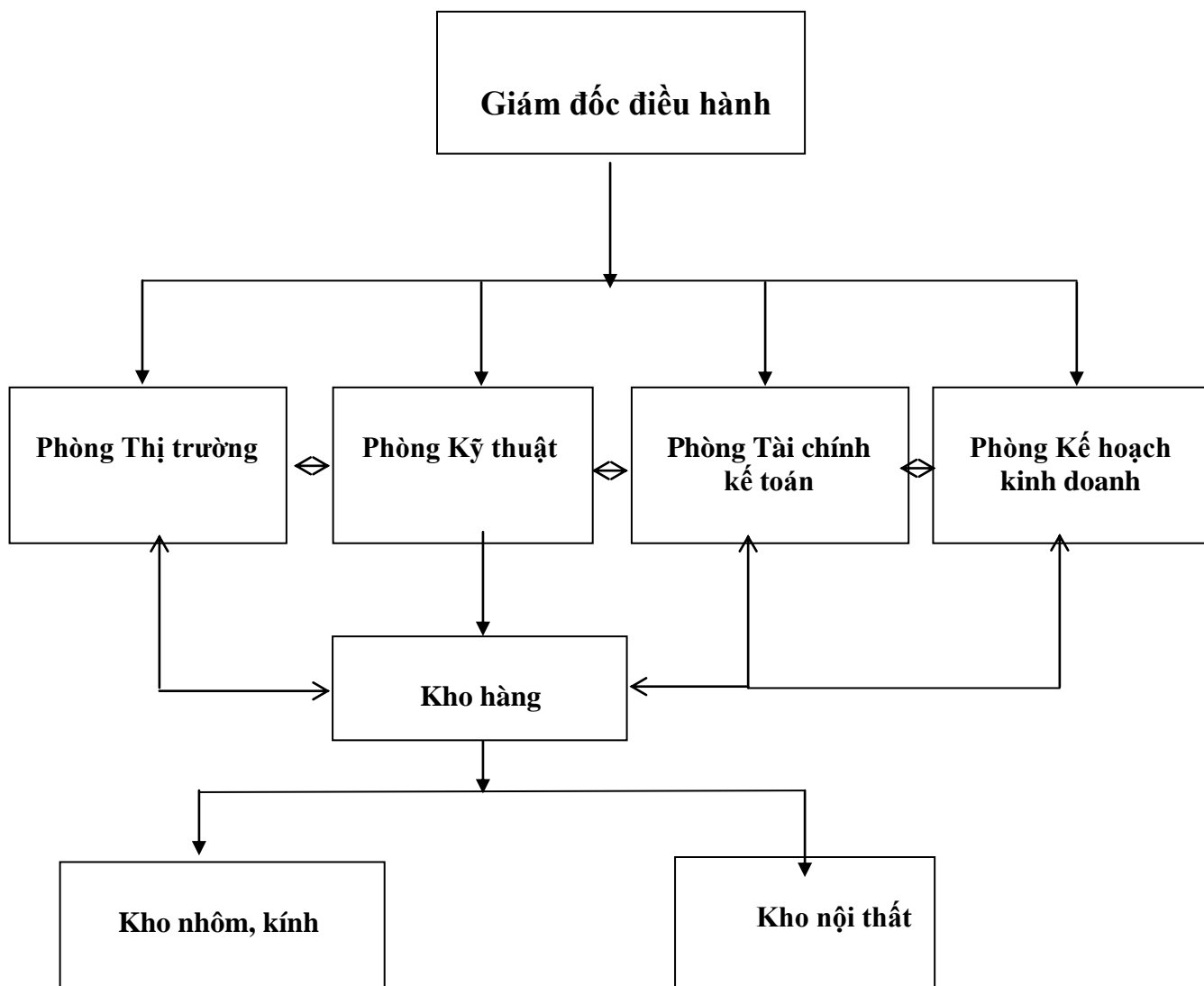
Công ty TNHH Minh Hải chuyên mua bán kinh doanh các mặt hàng nội ngoại thất, hàng điện tử gia dụng, vật liệu xây dựng các sản phẩm của Công ty đa dạng về chủng loại mẫu mã phong phú, chất lượng tốt chuẩn về kích thước có độ chịu lực cao đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ kiến trúc. Chính vì vậy sản phẩm của Công ty tạo được uy tín trên thị trường trong nước, khách hàng của công ty phần lớn là các siêu thị, các đại lý, cửa hàng, các doanh nghiệp xây dựng, các nhà thầu....Công ty áp dụng các hình thức linh hoạt có xe vận chuyển và giao hàng tận nơi nếu khách hàng có yêu cầu với đội ngũ nhân viên phục vụ tận tình chu đáo.

Về cơ cấu lao động trong doanh nghiệp: Vì Công Ty là một trung tâm thương mại lớn kinh doanh với nhiều mặt hàng, ngành nghề lên đòi hỏi nhân viên phải có năng lực, năng động sáng tạo, phản ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường làm

việc, sức khỏe để đảm nhiệm các khâu trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty

2.1.3 Đặc điểm tổ chức hệ thống kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ hệ thống kinh doanh



Giải thích ký hiệu:

→ : Quan hệ chỉ huy trực tuyến

↔ : Quan hệ phối hợp thực hiện

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong hệ thống kinh doanh

• *Giám đốc điều hành*: có chức năng giám sát, điều hành toàn bộ hệ thống của toàn Công ty

• *Phòng kế hoạch kinh doanh* : Phát triển thị trường xây dựng các mối quan hệ và tìm kiếm đối tác. Thực hiện các chính sách nhằm thúc đẩy doanh thu bán hàng

- *Phòng thị trường có chức năng sau :*

- + Thực hiện công tác gia dịch, maketing và lập các biểu báo giá. Định kì báo cáo thống kê số lượng giá trị của hàng hóa dịch vụ mua vào bán ra cho ban giám đốc

- + Hàng ngày ra thị trường và tìm kiếm quảng cáo giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường, tiếp cận các công trình xây dựng chuyên môn

- *Phòng kỹ thuật :* Chịu trách nhiệm quản lý các hợp đồng lắp đặt, đảm bảo an toàn cho người lao động trong lắp đặt, để đảm bảo thực hiện tốt tiến độ và chất lượng các hợp đồng.

- *Phòng tài chính-kế toán:* Tham mưu giúp việc cho giám đốc trong công tác tài chính- kế toán, tổ chức chỉ đạo công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Nhà nước, của ngành, lập các báo cáo tài chính, theo dõi sự biến động của toàn bộ tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, thực hiện chức năng giám sát bằng tiền của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây là công cụ quan trọng trong quản lý kinh tế, quản lý Công ty, theo dõi tài sản hàng hóa, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh... đồng thời tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính, giúp lãnh đạo sớm có phương hướng hoạch định kế hoạch kinh doanh cho kỳ sau.

Công ty TNHH Minh Hải là một trung tâm thương mại lớn với nhiều chủng loại mặt hàng lên khi xuất hàng đi bán cho các siêu thị , đại lý, cửa hàng...thì về phía Công ty và khách hàng, nhà cung cấp có sự thỏa thuận, ký kết trên hợp đồng nguyên tắc hay hợp đồng kinh tế kèm theo đơn đặt hàng. Khi Công ty nhận được đơn đặt hàng từ các đối tác thì phòng kinh doanh và phòng kế toán phải có trách nhiệm kiểm tra mọi nội dung, điều khoản trong hợp đồng, sau khi kiểm tra xong tính hợp lý về số lượng mặt hàng, đơn giá và điều khoản thanh toán thì phòng kinh doanh có trách nhiệm trình Ban giám đốc công ty xem xét và phê duyệt, khi Ban giám đốc đồng ý với các nội dung trong hợp đồng thì phòng kinh doanh có trách nhiệm tiếp nhận hợp đồng và thông báo cho bên khách hàng, nhà cung cấp.

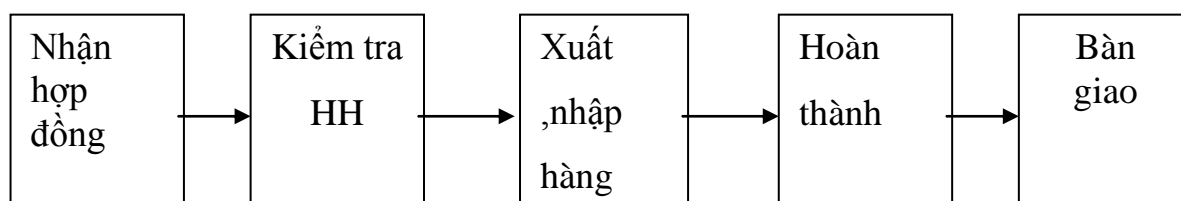
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Việc kiểm tra hàng hóa cũng là một khâu vô cùng quan trọng. Bộ phận kỹ thuật phải kiểm tra về số lượng, chủng loại, mẫu mã, quy cách xem hàng hóa có đạt tiêu chuẩn như trong hợp đồng mà các bên đã ký kết hay không. Sau khi bộ phận kỹ thuật đã kiểm tra và đánh giá mặt hàng đó đảm bảo thì sẽ chuyển cho trưởng phòng kinh doanh .

- Việc xuất nhập hàng thì thủ kho là người có trách nhiệm kiểm tra hàng hóa về số lượng, chủng loại, mẫu mã, quy cách trong đơn đặt hàng để việc xuất - nhập hàng cho đúng và chính xác tránh xảy ra sai sót .

Sau khi việc xuất - nhập kho đã hoàn thành thì phòng kinh doanh căn cứ vào các phiếu xuất - phiếu nhập kho của thu kho và kế toán kho tiến hành lập biên bản bàn giao. Trong biên bản bàn giao nêu rõ địa điểm giao nhận hàng và số lượng chủng loại trong đơn đặt hàng để hai bên nhận và bên giao xác nhận tính chính xác và giao biên bản này cho người đi giao hay nhận hàng chuyển cho các đối tác, lấy cơ sở làm căn cứ để làm thủ tục thanh toán.

Sơ đồ 2.2: Quy trình giao nhận hàng



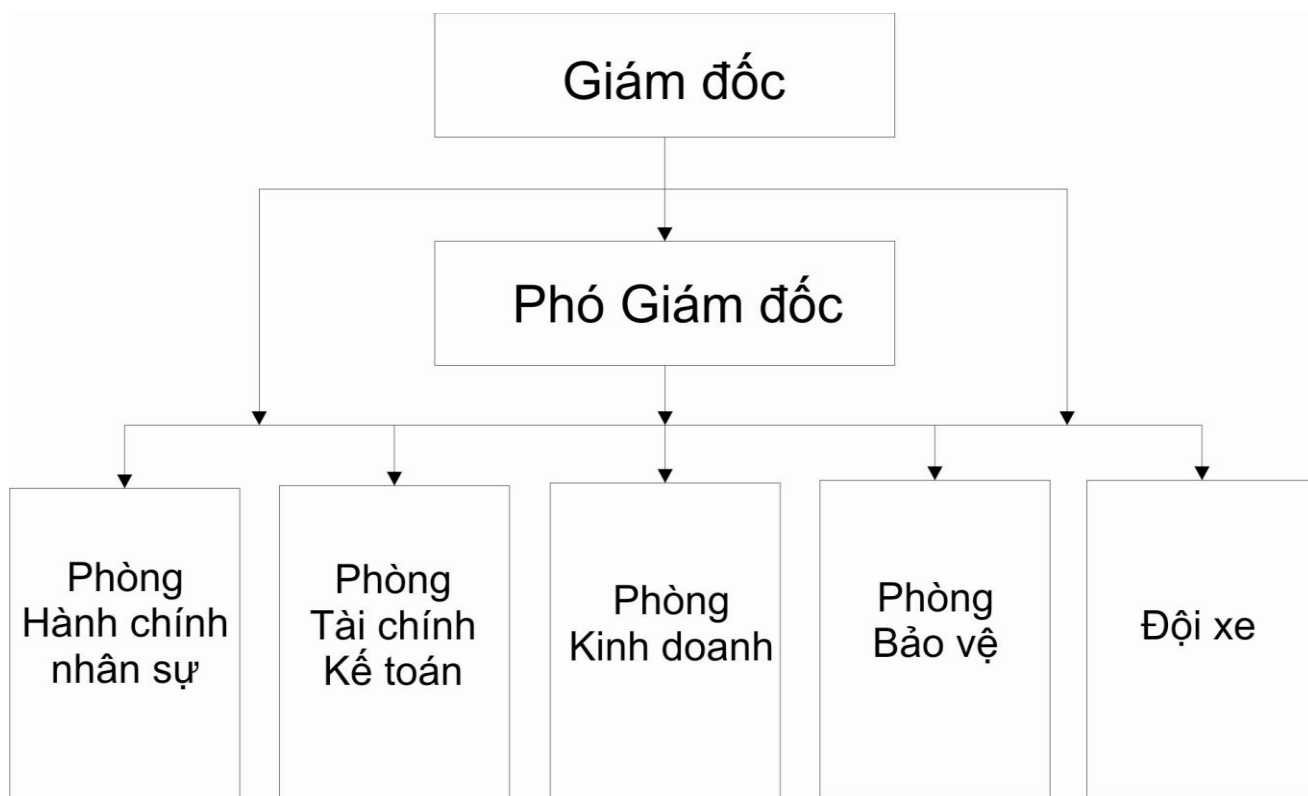
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty TNHH Minh Hải

****Mô hình tổ chức.***

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm:

- Phó giám đốc: 01 người
- Phòng ban chức năng: 5 phòng
- + Phòng tổ chức hành chính
- + phòng tài chính - kế toán
- + Phòng kinh doanh
- + Phòng bảo vệ
- + Đội xe

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy quản lý



❖ **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy quản lý trong công ty TNHH Minh Hải.**

• *Giám đốc* : Là người đứng đầu đại diện cho Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính của Công ty đồng thời là người chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật và cơ quan quản lý cấp trên.

• *Phó giám đốc*: Có nhiệm vụ trợ giúp giám đốc trong việc điều hành quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

• *Phòng nhân sự*: Có trách nhiệm quản lý công nhân viên trong công ty, thay mặt giám đốc tuyển dụng lao động cũng như chấm dứt hợp đồng lao động với công nhân viên, quản lý lao động

• *Phòng kế toán*: Có nhiệm vụ ghi chép phản ánh với giám đốc về toàn bộ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết toán với nhà nước, cung cấp thông tin trong việc quản lý tài chính và điều hành Công ty, lập và thực hiện tốt các kế hoạch tài chính, tính toán và ghi chép chính xác về nguồn vốn và tình hình tài sản

cổ định, chứng từ và các loại vốn bằng tiền, lập báo cáo tài chính kịp thời đầy đủ và chính xác.

Phòng kế toán đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc, có nhiệm vụ tham mưu trực tiếp cho ban giám đốc những vấn đề có liên quan đến chuyên môn, tổ chức thực hiện và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán, thống kê trong toàn doanh nghiệp, hướng dẫn chỉ đạo các bộ phận trong Công ty thực hiện đúng theo chính sách chế độ của nhà nước ban hành. Thực hiện ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, cuối tháng tổng hợp lên báo cáo gửi cho các phòng ban và các cơ quan nhà nước có liên quan

- *Phòng kinh doanh*: Có trách nhiệm vụ tìm hiểu thị trường, nắm bắt được thông tin khách hàng và thị trường, lập kế hoạch và xây dựng các phương án kinh doanh, thực hiện việc kinh doanh theo đúng quy định và sự chỉ đạo của ban lãnh đạo Công ty, phát triển khách hàng

- *Phòng bảo vệ*: Đảm bảo công tác bảo vệ an ninh trật tự và tài sản của Công ty. Theo dõi việc chấp hành nội quy, quy chế của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- *Đội xe*: Có nhiệm vụ chuẩn bị xe tốt phục vụ quá trình chuyên chở hàng hoá mang ra thị trường tiêu thụ và công tác quản lý của Công ty.

2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty

➤ Thuận lợi:

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, tay nghề, Cán bộ công nhân viên trong Công ty rất tận tình và chu đáo đã tạo được sự tin tưởng của khách hàng, điều này đã đem đến cho Công ty nhiều hợp đồng có giá trị lên đến hàng tỷ đồng, hứa hẹn một sự phát triển bền vững trong tương lai. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

- Công ty là một trong những nhà cung cấp chính cho các siêu thị, đại lý về đồ nội thất, đồ điện tử, hàng gia dụng...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Công ty không những duy trì tốt quan hệ với khách hàng mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty

- Các sản phẩm của công ty rất đa dạng, có thể đáp ứng được mọi yêu cầu về thẩm mỹ cũng như chất lượng của sản phẩm đối với khách hàng.

- Nhu cầu tiêu dùng của người dân về những mặt hàng cao cấp, mẫu mã đẹp ngày càng được nâng cao, do đó sản phẩm của Công ty cũng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của khách hàng

- Công ty được xây dựng tại khu Cụm công nghiệp Ngô Quyền - phường Cẩm Thượng - Thành Phố Hải Dương đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa

- Bên cạnh những thuận lợi trên là tiền đề cho sự phát triển của Công ty, nó tác động tích cực cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty thì Công ty cũng gặp không ít khó khăn gây trở ngại cho hoạt động của Công ty.

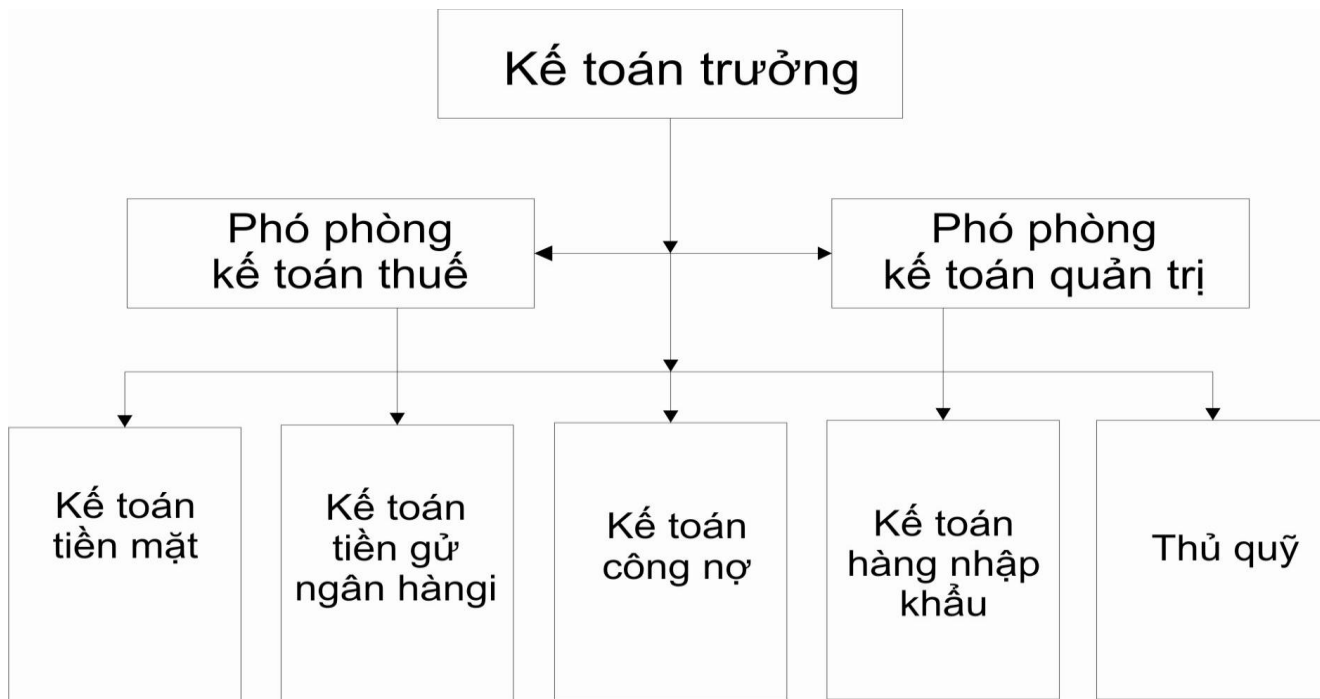
➤ **Khó khăn.**

Đứng trước sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thương trường trong nền kinh tế thị trường đã gây nên không ít khó khăn cho Công ty, hiện tại một trong những khó khăn lớn nhất đối với Công ty là vấn đề về vốn, do đó phần nào cũng ảnh hưởng đến việc hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

2.2 ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN VÀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI

2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Minh Hải

Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ bộ máy kế toán



❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán.

- *Kế toán trưởng*: Phụ trách công tác kế toán chung, có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của Công ty, chỉ đạo thống nhất trong phòng tài chính kế toán. Kế toán trưởng còn là người giúp việc cho giám đốc về công tác chuyên môn, kiểm tra báo cáo tài chính, cân đối tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Ngoài ra, kế toán trưởng còn có nhiệm vụ cùng các phòng nghiệp vụ khác xây dựng định mức giá cả tiêu thụ, ký kết hợp đồng.

- *Phó phòng kế toán tài chính*: Có nhiệm vụ lập và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lập tờ khai thuế hàng tháng và các báo cáo tài chính đồng thời kết hợp với kế toán trưởng chỉ đạo công việc kế toán.

- *Phó phòng kế toán mảng quản trị*: Tập hợp chứng từ và lên báo cáo kết quả kinh doanh từng tháng cho ban giám đốc, theo dõi chính sách hàng nhập và bán hàng bảng giá bán

- *Kế toán tiền mặt* : Có nhiệm vụ thanh toán chi trả những khoản tiền mặt tại quỹ đồng thời theo dõi tổng hợp các khoản tạm ứng và công nợ phải thu.
- *Kế toán ngân hàng*: Có nhiệm vụ theo dõi các tài khoản của công ty tại các ngân hàng như tiền gửi, tiền vay, hạn mức công nợ, lãi suất tín dụng .
- *Kế toán công nợ* : Phải trả có nhiệm vụ nhập hàng theo dõi chính sách giá và thanh toán công nợ với các nhà cung cấp đảm bảo được cách chính sách thương mại được hưởng.
- *Kế toán hàng nhập khẩu*: Có nhiệm vụ nhập, xuất hàng, theo dõi công nợ phải trả, phải thu liên quan đến hàng nhập khẩu, theo dõi tỷ giá .
- *Thu quỹ*: Có nhiệm vụ quản lý tiền mặt, ngân phiếu, chịu trách nhiệm thu - chi quỹ tiền mặt của Công ty căn cứ vào các chứng từ hợp lệ như phiếu thu, phiếu chi.

2.2.2 Đặc điểm tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại Công ty TNHH Minh Hải

2.2.2.1. Các chính sách kế toán chung

Công ty TNHH Minh Hải hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 năm báo cáo kết thúc 31/12 năm báo cáo.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Nguyên tắc và phương pháp chuyển các đồng tiền khác theo tỷ giá thực tế của ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm công bố.

Phương pháp kế toán TSCĐ: Nguyên tắc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá và giá trị còn lại. Phương pháp tính khấu hao: Khấu hao đều theo tháng

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

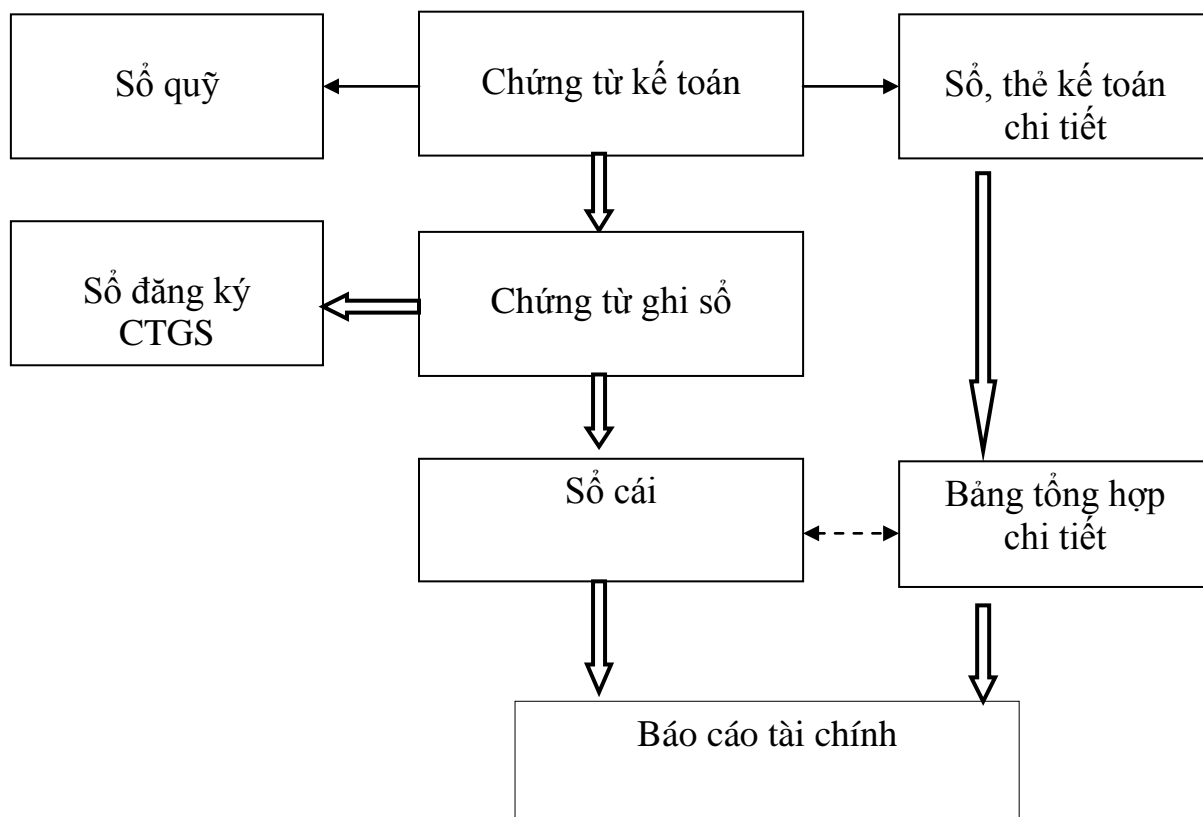
Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

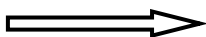
Hình thức kế toán: là hình thức Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 2.5 : Quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty TNHH Minh

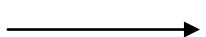
Hải



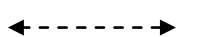
Ghi chú



Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối năm)



Ghi hàng ngày



Đối chiếu

- Hàng ngày từ các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi

- Đến cuối tháng dựa vào chứng từ kế toán (chứng từ gốc) kế toán tiến hành ghi sổ chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, đồng thời vào thời điểm cuối tháng dựa vào sổ chi tiết kế toán ghi sổ tổng hợp chi tiết, số liệu trên sổ tổng hợp chi tiết này được đối chiếu với sổ cái

- Đến cuối năm kế toán tiến hành khóa sổ tập hợp các số liệu được ghi trong sổ cái để lập các báo cáo tài chính

2.2.2.2. Vận dụng hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty TNHH Minh

Hải

- Công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo những mẫu biểu do Nhà nước qui định như: phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính lương...

- *Quy trình luân chuyển chứng từ*

+ Kiểm tra chứng từ ban đầu: Khi bộ phận kế toán nhận được chứng từ do các bộ phận, đơn vị chuyển đến kế toán viên sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, kiểm tra nội dung chứng từ xem có chính xác không, số liệu chứng từ có rõ ràng, trung thực không.

+ Hoàn chỉnh chứng từ: Sau khi chứng từ được kiểm tra, kế toán viên tập hợp và phân loại chứng từ để phục vụ cho việc ghi chép vào sổ kế toán

+ Sau khi hoàn tất chứng từ, các chứng từ này được luân chuyển đến kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị để xin xác nhận (hoặc các phòng ban có liên quan). Khi đã có xác nhận của đầy đủ các bộ phận, nếu là chứng từ liên quan đến kho quỹ thì sẽ được chuyển xuống thủ kho - quỹ để thu, chi hoặc nhập, xuất hàng hoá....

+ Bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán: Các chứng từ kế toán sau khi được chuyển đến các đơn vị, bộ phận, cá nhân có liên quan sẽ được chuyển trở lại và lưu trữ tại phòng kế toán của Công ty.

2.2.2.3. Vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.

- Hệ thống tài khoản kế toán Công ty đang áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 14/09/2006 về chế độ kế toán doanh nghiệp mới, chế độ báo cáo tài chính Doanh nghiệp gồm những tài khoản sau: TK 111, TK 112, TK 131, TK 133, TK 141, TK 142, TK 156, TK 138, TK 211, TK 214, TK 311, TK 331, TK 338, TK 333, TK 411, TK 412, TK 413, TK 511, TK 532, TK 521, TK 531, TK 515, TK 632, TK 635, TK 642....

2.2.2.4. Vận dụng hệ thống sổ sách và báo cáo tại Công ty TNHH Minh

Hải

- Hệ thống sổ kế toán của Công ty áp dụng theo Quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính gồm: Đăng ký chứng từ ghi sổ, chứng từ ghi sổ, sổ cái các TK, các bảng tổng hợp chứng từ, sổ chi tiết, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ quỹ tiền mặt,.

- Hàng ngày kế toán Công ty dựa vào các hóa đơn chứng từ của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để lập các sổ chi tiết, sổ quỹ tiền mặt, sổ quỹ tiền gửi,.

- Hàng tháng vào cuối tháng kế toán Công ty phải lập các sổ sách kế toán: sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, chứng từ ghi sổ, sổ cái các TK, các bảng tổng hợp chứng từ,.

- Cuối năm kế toán Công ty lập các báo cáo tài chính đúng như quy định về mục đích, nội dung, kết cấu, nguyên tắc những báo cáo này được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan chủ quản có liên quan

- Hệ thống báo cáo quản trị gồm: Báo cáo nhanh tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo quỹ BHXH và KPCĐ, báo cáo tình hình vay trả nợ ngân hàng, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng. Trong đó báo cáo tài chính sử dụng quỹ tiền lương và báo cáo quỹ BHXH và KPCĐ do kế toán tiền lương lập vào cuối quý sau đó được chuyển tới Ban Giám đốc xem xét.

- Các báo cáo quản trị khác do bộ phận Kế toán thống kê và được lập hàng tháng để gửi lên các nhà quản trị, cơ quan chủ quản. giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định quản trị chính xác, kịp thời đem lại lợi ích cho doanh nghiệp

2.3 THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Sau 9 năm đi vào hoạt động Công ty TNHH Minh Hải đã không ngừng lớn mạnh với việc cung cấp các sản phẩm : Vật liệu xây dựng, hàng điện tử, đồ nội thất... chất lượng cao đáp ứng được thị hiếu tiêu dùng của người tiêu dùng. Quy mô vốn, quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, doanh thu năm sau tăng so với năm trước và được thể hiện qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh

**Biểu 06: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
CÔNG TY TNHH MINH HẢI TRONG 2 NĂM 2009 VÀ NĂM 2010**

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So sánh	
			Chênh lệch	%
DT thuần	140.570.401.400	142.050.900.502	1.480.499.102	1,04
Giá vốn hàng bán	132.036.177.300	132.695.657.109	659.479.809	0,50
Lợi nhuận gộp	8.534.224.100	9.355.243.400	821.019.300	8,78
LN thuần	-1.311.629.402	-2.022.839.204	-711.209.802	23,53
Tổng LN KT trước thuế	1.446.004.701	1.675.893.059	229.888.358	13,72
CP thuế TNDN hiện hành	404.881.316	418.973.264	14.091.948	3,36
LN sau thuế TNDN	1.041.123.385	1.256.919.795	215.796.410	17,17

Qua bảng trên ta thấy doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009 là 1.480.499.102 tương đương 1,04% điều này cho thấy Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh, công tác bán hàng được quan tâm nhiều hơn, sản phẩm đã tạo được uy tín trên thị trường. Doanh thu tăng đồng thời làm cho Lợi nhuận gộp cũng tăng lên 821.019.300 tương đương 8,78%. Trong năm 2010 Công ty đã đạt tổng lợi nhuận là 1.675.893.059 tăng 229.888.358 tương đương với tỷ lệ 13,72 %, . Đóng góp vào ngân sách Nhà nước là 418.973.264 tăng 14.091.948 tương đương 3,36 %. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2009 đạt 1.041.123.385 .Năm 2010 lợi nhuận là 1.256.919.795 tăng 215.796.410 tương đương 17,17% .Qua những số liệu trên ta thấy mặc dù doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009 là không đáng kể nhưng

cũng phần nào cho ta thấy được Công ty đang hoạt động ổn định và có xu hướng ngày càng phát triển hơn.

2.4 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI

2.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải

2.4.1.1 Đặc điểm công tác kế toán bán hàng tại Công ty.

a , Các phương thức bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải

Hiện nay Công ty TNHH Minh Hải tiến hành theo phương thức bán hàng như sau :

- Bán buôn hàng hóa : Bán cho các cơ quan tổ chức, các đại lý, siêu thị, cửa hàng...

- Bán lẻ hàng hóa : Bán hàng cho các đối tượng khách hàng mua với khối lượng nhỏ, các cá nhân có nhu cầu về sản phẩm mà Công ty cung cấp

b , Phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại Công ty TNHH Minh Hải

Để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đồng thời để phù hợp với khả năng thanh toán của khách hàng, Công ty đa dạng hóa các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng. Các phương thức thanh toán chủ yếu được Công ty áp dụng như sau :

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được nhận thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi Công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền

ghi số chứ không phải là tiền thực tế.

c , Kế toán bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải

Doanh thu bán hàng là giá trị sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ mà Công ty đã bán, đã cung cấp cho khách hàng. Giá trị của hàng bán được thoả thuận ghi trong hợp đồng kinh tế về mua bán và cung cấp sản phẩm. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thoả thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho Công ty và chuyển đến khách hàng thì số hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận.

Công ty TNHH Minh Hải là một Công ty thương mại kinh doanh các mặt hàng : Vật liệu xây dựng, đồ trang trí nội thất, ngoại thất, thanh nhôm định hình... vì thế doanh thu của Công ty thu từ hoạt động bán hàng hoá. Ngoài ra Công ty còn có nguồn doanh thu khác từ hoạt động như dịch vụ vận tải, lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán hàng trả chậm...

Việc tiêu thụ hàng hoá được diễn ra khi có một đơn vị kinh tế nào đó có nhu cầu mua hàng hoá của Công ty và tiến hành ký kết hợp đồng mua bán với phòng kinh doanh của công ty

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, cán bộ phòng kinh doanh tiến hành phân tích tính khả thi của đơn đặt hàng. Việc phân tích được tiến hành trên cơ sở xác định chênh lệch giữa doanh thu từ việc thực hiện hợp đồng với giá vốn của lô hàng xuất bán và các chi phí bỏ ra để thực hiện việc tiêu thụ lô hàng đó. Nếu nhận thấy việc tiêu thụ lô hàng là có lãi thì cán bộ phòng kinh doanh đề xuất ý kiến với trưởng phòng duyệt. Khi đề xuất được duyệt, cán bộ phòng kinh doanh tiến hành lập hợp đồng mua bán. Hợp đồng mua bán bao gồm các nội dung như khối lượng hàng mua, quy cách hàng hoá, đơn giá thoả thuận, phương thức thanh toán

d, Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải

Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, căn cứ vào hợp đồng kinh tế khi sản phẩm xuất kho chuyển đến cho khách hàng được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó được coi là tiêu thụ

Hàng ngày khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng, để theo dõi doanh thu bán hàng kế toán căn cứ vào các chứng từ gồm: Hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, phiếu thu để làm căn cứ ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho TK 511

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu sau thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định kế toán viết hóa đơn GTGT và căn cứ vào hình thức thanh toán của khách hàng để lập chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, giấy báo có nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, chứng từ khách nếu khách hàng trả tiền sau

2.4.1.2 Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải a, Chứng từ sử dụng:

Chứng từ ban đầu là Hóa đơn GTGT.

+ Thủ tục lập hóa đơn GTGT

Chứng từ hạch toán trong doanh thu bán hàng là hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT được lập 3 liên :

Liên 1: (màu tím) lưu tại quyển hóa đơn

Liên 2: (màu đỏ) giao cho khách hàng

Liên 3: (màu xanh) dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

Trên hóa đơn GTGT phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số hóa đơn

- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán

- Tên hàng hóa (dịch vụ) cung cấp, số lượng đơn giá, thành tiền, thuế GTGT, tổng tiền thanh toán

Tại phòng kế toán, khi khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt thì kế toán viết phiếu thu. Phiếu thu được lập 3 liên:

Liên 1: Lưu sổ

Liên 2: Giao cho người nộp

Liên 3: Dùng làm căn cứ ghi sổ

Trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền vào chi nhánh ngân hàng để

chuyển tiền vào tài khoản của Công ty. Khi nhận được tiền ngân hàng báo có cho Công ty.

Ngoài hóa đơn GTGT, chứng từ ban hàng còn gồm có:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có)

b, Tài khoản sử dụng

Kế toán đã ghi chép doanh thu bán hàng trên tài khoản

TK 5111: Doanh thu bán hàng

Đồng thời với việc phản ánh doanh thu, kế toán còn phải theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng nên kế toán Công ty còn sử dụng một số tài khoản có liên quan như: TK 112 – Tiền gửi ngân hàng, TK 131 – Phải thu khách hàng

Trong năm 2010

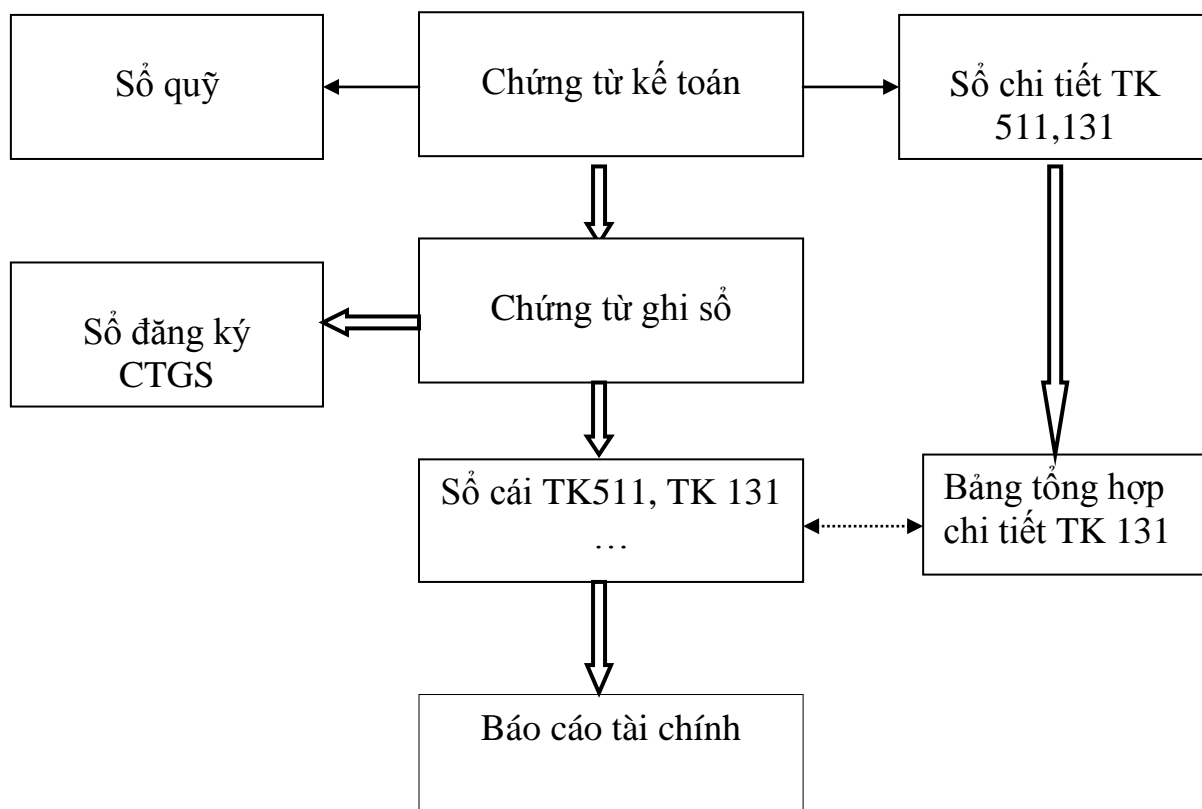
Công ty không sử dụng TK 521 – Chiết khấu thương mại

Công ty không sử dụng TK 532 – Giảm giá hàng bán

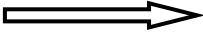
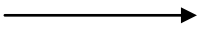

Công ty không sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại vì trong kỳ, hàng hóa của Công ty luôn đảm bảo chất lượng và không vi phạm hợp đồng kinh tế nên không phát sinh trường hợp hàng bán bị trả lại.

c, Quy trình luân chuyển chứng từ :

Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải



Ghi chú

-  Ghi định kỳ
-  Ghi hàng ngày
-  Đối chiếu

d, Phương pháp hạch toán doanh thu:

Hàng ngày căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty về việc mua bán các sản phẩm của Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thoả thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho của Công ty và chuyển tới khách hàng, khách hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng này được coi là tiêu thụ. Xem lại hợp đồng kinh tế, thủ kho viết phiếu xuất kho rồi kế toán dựa vào hợp đồng kinh tế để viết hóa đơn GTGT và tiến hành ghi sổ chi tiết TK 511, nếu khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt thì kế toán lập sổ quỹ tiền mặt, hoặc là khi có giấy báo có kế toán lập sổ quỹ tiền gửi, nếu khách hàng chưa thanh toán thì kế toán phải lập sổ chi tiết phải thu của khách hàng

Phản ánh doanh thu bán hàng:

Nợ TK 111,112,131

Có TK 5111: doanh thu bán hàng hóa

Có TK 3331: Số thuế GTGT phải nộp

Định kỳ (cuối tháng) căn cứ vào Hóa đơn GTGT kế toán ghi chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi sổ cái TK 511. Cuối năm kế toán tập hợp số liệu được ghi trong sổ cái TK511 để lập báo cáo kết quả kinh doanh(chỉ tiêu số 1)

Công ty TNHH Minh Hải các nghiệp vụ xuất bán nếu khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt (khi số tiền phải thu khách hàng nhiều nhất là 20.000.000đ) thì căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán viết phiếu thu và định khoản:

Nợ TK 1111: Tiền mặt (không quá 20.000.000đ)

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 33311: Thuế GTGT phải nộp

Nếu số tiền mà khách hàng thanh toán cho Công ty nhiều hơn 20.000.000đ thì khách hàng phải thanh toán tiền theo hình thức chuyển khoản kế toán căn cứ vào Giấy báo có ngân hàng vào mục “Báo có ngân hàng” kế toán Công ty định khoản

Nợ TK 1121: Tổng tiền hàng

Có TK 5111: Doanh thu bán hàng

Có TK 33311: Thuế GTGT phải nộp

Nếu bán hàng chưa thanh toán kế toán định khoản:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng

Có TK 33311: Thuế GTGT phải nộp

Và khi khách hàng thanh toán thì kế toán vào tài khoản 111

Nợ TK 1121: Tiền gửi ngân hàng

Có TK 131: Phải thu khách hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ:1 Tồn đầu tháng 12/2010 như sau:

Gạch KT mã 5051 L1	Lượng tồn: 1000 hộp	Trị giá tồn: 320.000.000đ
Vòi chậu	Lượng tồn: 1000 cái	Trị giá tồn: 605.000.000đ

Gạch KT mã 5051 L1	Lượng nhập:4000 hộp	Trị giá nhập: 1.283.975.400đ
Vòi chậu	Lượng nhập:500 cái	Trị giá nhập: 305.000.000đ

$$\text{ĐGBQ (gạch KTL1)} = \frac{320.000.000 + 1.283.975.400}{1000 + 4000} = 320.795\text{đ/hộp}$$

$$\text{ĐG BQ (vòi chậu)} = \frac{605.000.000 + 305.000.000}{1000 + 500} = 607.000\text{đ/cái}$$

Ngày 01/12 xuất bán cho Công ty cổ phần Thiên Ân 380 hộp gạch lát nền mã 5051KTL1 đơn giá bán 407.200 đ/hộp. 50 cái vòi chậu đơn giá bán 690.000đ/cái chưa bao gồm 10% thuế GTGT. Khách hàng chưa thanh toán cho Công ty

Định khoản :

1, Phản ánh doanh thu bán gạch lát nền 5051 KTL1:

Nợ TK 131: 170.209.600

Có TK 511: 154.736.000

Có TK 3331: 15.473.600

2, Phản ánh doanh thu bán vòi chậu:

Nợ TK 131: 37.950.000

Có TK 511: 34.500.000

Có TK 3331: 3.450.000

3, Phản ánh trị giá vốn bán gạch lát nền KTL1:

Nợ TK 632: 121.902.100

Có TK 156: 121.902.100

4, Phản ánh trị giá vốn bán vôi chấu:

Nợ TK 632: 30.350.000

Có TK 156: 30.350.000

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế ký kết giữa Công ty TNHH Minh Hải với Công ty cổ phần Thiên Ân, kế toán viết hóa đơn GTGT số 085506 (mẫu biểu 1.1), thủ kho viết phiếu xuất kho số 1710 (mẫu biểu 1.2) (chú ý: đơn giá trên phiếu xuất kho được kế toán ghi vào cuối tháng). Ghi sổ chi tiết TK 511 (mẫu biểu 1.3)

Mẫu biểu 1.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
liên 3 :(nội bộ)				MT/2010B		
Ngày 01 tháng 12 năm 2010				0085506		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Minh Hải						
Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền - Hải Dương						
Số tài khoản:						
Điện thoại: 0320.3896.896			MST: 0800263569			
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Anh Tuấn						
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Thiên Ân						
Địa chỉ:						
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán			MST: 0800215756			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3=1x2	
1	Gạch ốp tường mã 5051loại1	Hộp	380	407.200	154.736.000	
2	Vòi chậu	Cái	50	690.000	34.500.000	
Cộng tiền hàng					189.236.000	
Thuế suất GTGT:10% tiền thuế GTGT					18.923.600	
Tổng cộng tiền thanh toán					208.159.600	
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu, một trăm năm chín nghìn, sáu trăm đồng chẵn						
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị		
(đã ký tên)		(đã ký tên)		(đã ký tên)		

Mẫu biểu 1.2

Công ty TNHH Minh Hải

Mẫu số 02

ĐC: Đường Ngô Quyền- Thành phố Hải Dương

Ban hành theo QĐ số : 48/2006/ QĐ –

BTC

BTC

ĐT: 0320.3896.896

Ngày 14/09/2006 của BTBTC

Số:1710

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 632 : 152.252.130

Có TK 156 : 152.252.130

Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Thị Minh

Lý do lĩnh : xuất bán

Xuất tại kho : Hàng hóa

STT	Tên hàng	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực Xuất		
1	Gạch ốp tường mã 5051	Hộp	380	380	320.795	121.902.130
2	Vòi chậu	Cái	50	50	607.000	30.350.000
	Cộng					152.252.130

Số tiền bằng chữ: : Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi đồng chẵn

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

(đã ký tên)

(đã ký tên)

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MINH HẢI

Số 6 Ngô Quyền –Hải Dương

Mẫu biểu 1.3

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/12 đến 31/12

Chứng từ		khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
HĐGTGT 0085506	01/12	Công ty cổ phần Thiên Ân	Xuất hàng	131		189.236.000
HĐGTGT 0085509	01/12	Công ty TNHH Tiên Linh	Xuất hàng	131		113.960.000
....			
HĐGTGT 0085513	03/12	Công ty TNHH Hưng Phát	Xuất hàng	131		17.500.000
	
			Cộng phát sinh			12.780.253.910

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Giám đốc
(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Định kỳ (5 ngày)kế toán tập hợp các chứng từ (hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho) có cùng nội dung để lập cùng chứng từ ghi (mẫu biểu 1.4) đến cuối tháng kế toán kết chuyển Có TK 511 sang Nợ TK 911 để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 1.5)

Mẫu biểu 1.4

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Đường Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.15

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Doanh thu hàng bán ra p/s trong tháng 12/2010			
Doanh thu bán hàng cho Công ty cổ phần Thiên Ân	131	511	189.236.000
Doanh thu bán hàng cho Công ty TNHH Tiến Linh	131	511	113.960.00
.....		
Cộng			12.780.253.910

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 120 chứng từ gốc

Người lập

(*đã ký tên*)

Kế toán trưởng

(*đã ký tên*)

Mẫu biểu 1.5

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.16

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kế chuyển Doanh thu thuần bán hàng tháng 12 năm 2010	511	911	12.780.253.910
Cộng			12.780.253.910

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 122 chứng từ gốc

Người lập
(*đã ký tên*)

Kế toán trưởng
(*đã ký tên*)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 12.15 (mẫu biểu 1.4) và chứng từ ghi sổ số 12.16 (mẫu biểu 1.5) được lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 1.6) và lập sổ cái TK 511 (mẫu biểu 1.7), tổng hợp số liệu được ghi trong sổ cái TK 511 được ghi vào chỉ tiêu số 1 và chỉ tiêu số 3 (vì doanh thu hàng bán ra của công ty chính là doanh thu thuần) trong bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu biểu 1.6

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Đường Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng		
....
12.15	31/12	Tổng doanh thu bán hàng	12.780.253.910
12.16	31/12	K/c doanh thu bán hàng để xác định kết quả kinh doanh	12.780.253.910

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(*đã ký tên*)

Kế toán trưởng
(*đã ký tên*)

Thủ trưởng đơn vị
(*đã ký tên*)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 1.7

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng
BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK 5111

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số P/s tháng 12			
31/12	12.15	31/12	Doanh thu bán hàng tháng 12/2010	131		12.780.253.910
31/12	12.16	31/12	K/c DTT để xác định KQKD	911	12.780.253.910	
			Cộng lũy kế phát sinh trong năm 2010		142.050.900.502	142.050.900.502
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Do phần lớn hàng hoá của Công ty đều được kiểm tra, xem xét ngay từ khâu mua, được bảo quản trong kho hoặc giao ngay cho khách hàng. Mặt khác, trong quá trình bán hàng Công ty chỉ được giao cho khách hàng những hàng đủ tiêu chuẩn chất lượng (có sự đồng ý của bên mua) nên phòng kế toán không tổ chức hạch toán giảm giá hàng bán, nghiệp vụ hàng bán bị trả lại hầu như không xảy ra nên Công ty cũng không tổ chức hạch toán hàng bị trả lại và chiết khấu thương mại. Hàng hoá của Công ty chỉ tiêu thụ thị trường trong nước nên không phát sinh các khoản thuế xuất khẩu. Vậy doanh thu bán hàng chính là doanh thu thuần

2.4.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế
- Cổ tức được chia được ghi nhận trên cơ sở tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận được chia

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, Công ty sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

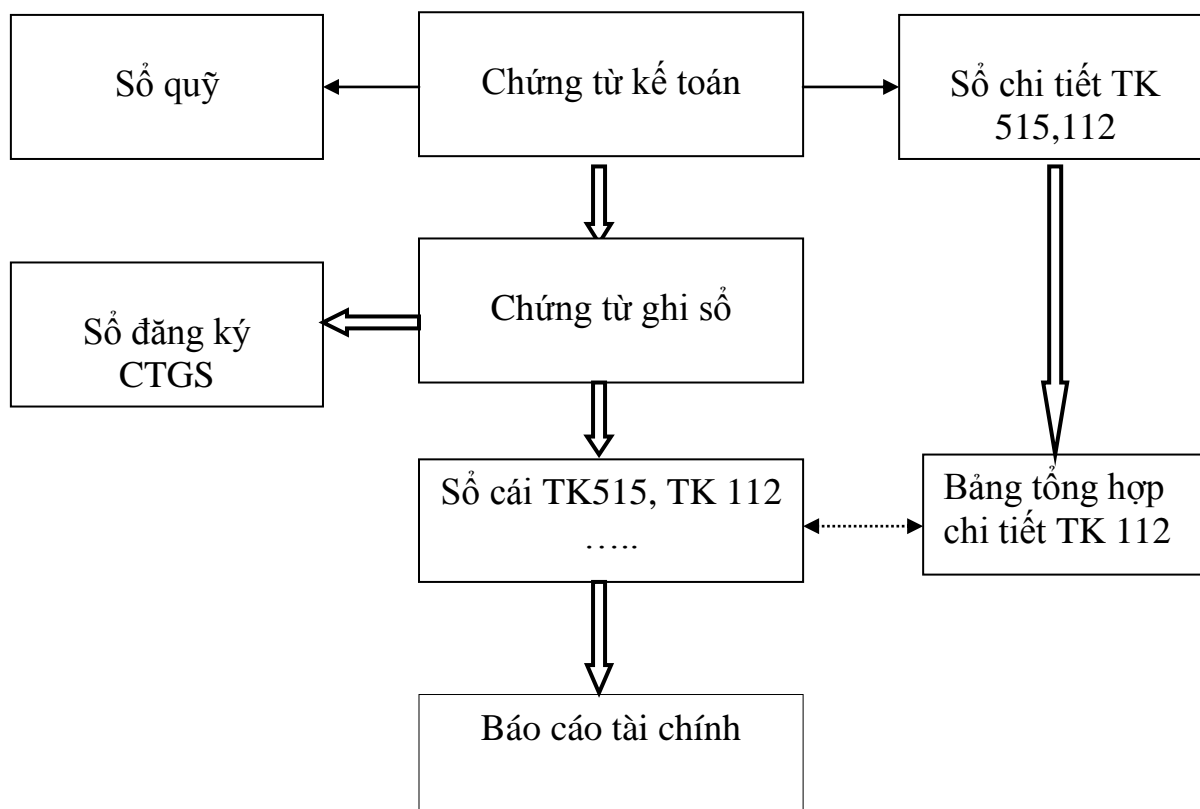
a, Chứng từ sổ sách sử dụng

- Giấy báo có
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 515
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác

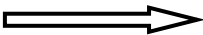
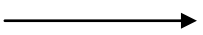
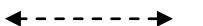
b, quy trình luân chuyển chứng từ:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Minh Hải



Ghi chú

-  Ghi định kỳ
-  Ghi hàng ngày
-  Đối chiếu

c, Quy trình hạch toán:

- Căn cứ vào chứng từ của ngân hàng kế toán tiến hành lập sổ tiền gửi ngân hàng. Cuối tháng căn cứ vào giấy báo có kế toán lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ được lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 515.

- Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu được ghi trên sổ cái TK 515 để ghi vào chỉ tiêu số 6 trên báo cáo kết quả kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2: Ngày 31/12 Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng Công thương-HD về lãi tiền gửi Công ty được hưởng 92.081đ

Căn cứ vào sổ phụ, giấy báo có của NH Công Thương HD (mẫu biểu 2.1)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 92.081

Có TK 515: 92.081

Cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 2.2), kết chuyển Có TK515 sang Nợ TK 911 để ghi chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 2.3)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 2.1

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG - HD

SỔ PHỤ VNĐ

Ngày 31/12/2010

Tài Khoản: 10331002

CÔNG TY TNHH MINH HẢI

DIỄN GIẢI

GHI NỢ

GHI CÓ

Số dư đầu ngày

10.523.645

Tính lãi tiền gửi

chi công ty TNHH

Minh Hải

Tổng phát sinh ngày

92.081

Số dư cuối ngày

10.615.727

Sổ phụ

Kiểm soát

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG HD

Mã GDV

Mã KH: 10563

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2010

Kính gửi: Công ty TNHH Minh Hải

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ Tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 008331002005

Số tiền bằng số: **92.081đ**

Số tiền bằng chữ: Chín mươi hai nghìn không trăm tám một đồng

Nội dung: Nhận lãi tiền gửi

Giao dịch viên

Kiểm soát

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 2.2

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.17

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong tháng 12/2010			
Lãi tiền gửi	112	515	92.081
.....
Cộng			1.025.916

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 2.3

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.18

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính trong tháng 12/2010	515	911	1.025.916
Cộng			1.025.916

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 12.17 (mẫu biểu 2.2) và chứng từ ghi sổ 12.18 (mẫu biểu 2.3) được lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 2.4) và lập sổ cái TK 515 (mẫu biểu 2.5), tổng hợp số liệu ghi trong sổ cái TK 515 để ghi vào chỉ tiêu số 6 trong bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu biểu 2.4

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng		
....
12.17	31/12	Doanh thu hoạt động tài chính	1.025.916
12.18	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh	1.025.916

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 2.5

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng
BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tài khoản: doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

DVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			P/s trong tháng 12			
31/12	12.17	31/12	Doanh thu HĐTC P/s T12/2010	112		1.025.916
31/12	12.18	31/12	K/c Doanh thu HĐTC	911	1.025.916	
			Cộng lũy kế phát sinh trong năm 2010		6.951.392	6.951.392
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(*đã ký tên*)

Kế toán trưởng
(*đã ký tên*)

Thủ trưởng đơn vị
(*đã ký tên*)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.4.3 Kế toán giá vốn hàng bán

a, Nội dung giá vốn hàng bán

Đối với hàng hóa Công ty bán ra giá vốn hàng bán bao gồm toàn bộ giá mua và các chi phí có liên quan đến quá trình thu mua. Công ty tính giá vốn của hàng bán ra theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ cho từng loại hàng hóa, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

b, Tài khoản, chứng từ sử dụng

- Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng TK 632 – “ giá vốn hàng bán”

Tài khoản này kế toán không theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp 2.

- Chứng từ sử dụng : Phiếu xuất kho

- Sổ sách sử dụng : Sổ chi tiết TK (156...), bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn, chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái tài TK632 và các tài khoản có liên quan khác

c, Cách tính giá vốn hàng bán

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ được căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

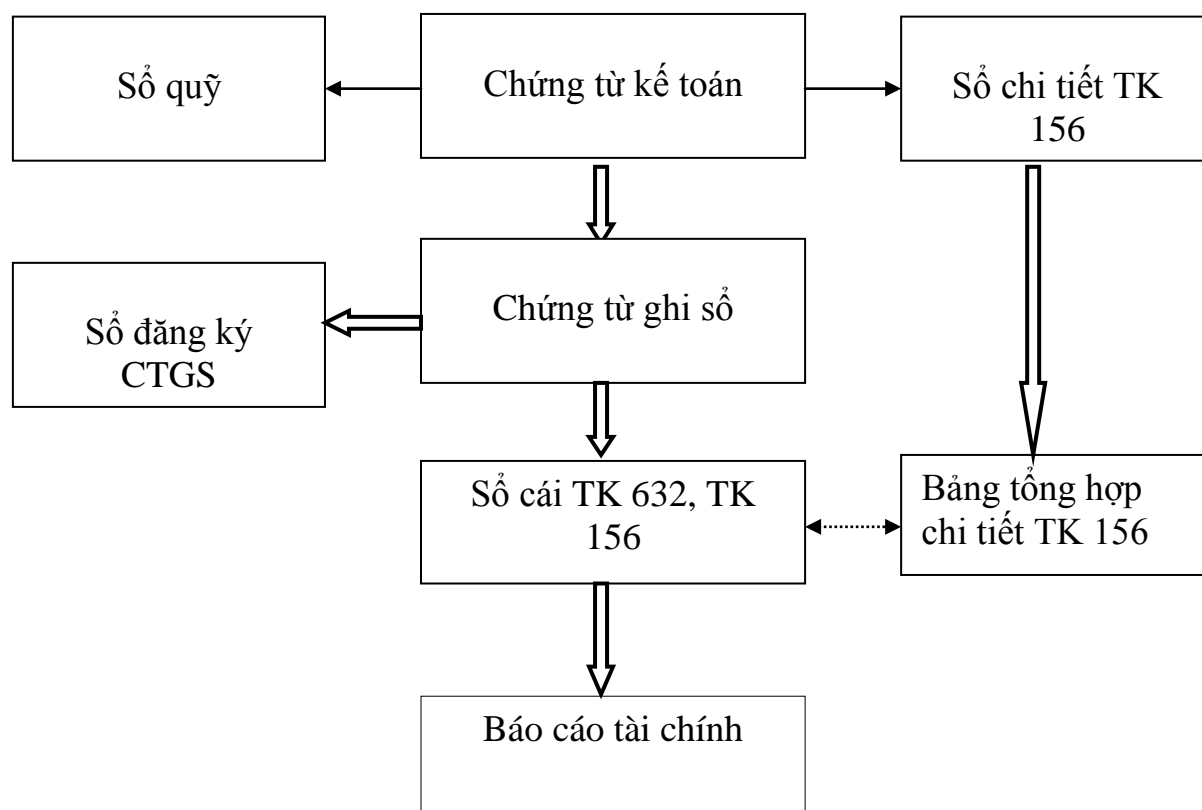
Đơn giá bình quân được tính cuối kỳ sau khi xác định được số lượng hàng tồn kho đầu kỳ và trị giá mua thực tế trong kỳ, số lượng hàng nhập trong kỳ và giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ. Cuối kỳ sau khi xác định được các chỉ tiêu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

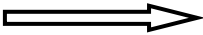
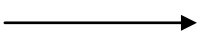
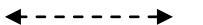
trên kế toán sẽ tính đơn giá hàng xuất bán bình quân trong kỳ và sẽ ghi đơn giá bình quân đã tính được vào cột đơn giá trong các phiếu xuất kho phát sinh trong kỳ tính đơn giá bình quân

d, Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Sơ đồ 2.8: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Minh Hải



Ghi chú

-  Ghi định kỳ
-  Ghi hàng ngày
-  Đối chiếu

- Hàng ngày căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán lập sổ chi tiết TK 156. Định kỳ đến cuối tháng kế toán lập bảng tổng hợp TK 156, lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ để lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 632, và các tài khoản khác có liên quan

- Cuối năm tổng hợp số liệu được ghi trong sổ cái TK 632 để lập báo cáo kết quả kinh doanh (chỉ tiêu số 4)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 3 : (Lấy lại ví dụ 1) Tồn đầu tháng 12/2010 như sau:

Gạch KT mã 5051 L1	Lượng tồn: 1000 hộp	Trị giá tồn: 320.000.000đ
Vòi chậu	Lượng tồn: 1000 cái	Trị giá tồn: 605.000.000đ

Số lượng hàng nhập trong tháng 12/2010

Gạch KT mã 5051 L1	Lượng nhập: 4000 hộp	Trị giá nhập: 1.283.975.400đ
Vòi chậu	Lượng nhập: 500 cái	Trị giá nhập: 305.000.000đ

$$\text{ĐGBQ (gạch KTL1)} = \frac{320.000.000 + 1.283.975.400}{1000 + 4000} = 320.795\text{đ/hộp}$$

$$\text{ĐG BQ (vòi chậu)} = \frac{605.000.000 + 305.000.000}{1000 + 500} = 607.000\text{đ/cái}$$

Căn cứ vào hóa đơn số 008556 ngày 01/12/2010 Công ty xuất bán cho Công ty Cổ phần Thiên Ân:

380 hộp gạch lát nền KT 5051 L1, đơn giá bán: 407.000đ/hộp (giá bán chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

50 cái vòi chậu, đơn giá bán: 690.000đ/ cái (giá bán chưa bao gồm 10% thuế GTGT). Công ty cổ phần Thiên Ân chưa thanh toán cho Công ty.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 156 xác định được đơn giá từng mặt hàng xuất bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là:

Gạch KT 5051 L1 : 320.795đ/ hộp

Vòi chậu : 607.000đ/ cái

Xác định giá vốn hàng bán: căn cứ vào phiếu xuất kho (mẫu biểu 3.1) kế toán xác định giá vốn của hàng bán cho Công ty Cổ phần Thiên Ân ngày 01/12/2010

*Giá vốn của gạch KT 5051L1 : 380 * 320.795đ = 121.902.100đ*

Nợ TK 632: 121.902.100

Có TK 156: 121.902.100

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Giá vốn của vòi chậu : $50 * 607.000đ = 30.350.000đ$*

Nợ TK 632: 30.350.000

Có TK 156: 30.350.000

Căn cứ phiếu xuất kho kế toán tiến hành lập sổ chi tiết TK 156 KTL1 (mẫu biểu 3.2) sổ chi tiết TK 156 VC (mẫu biểu 3.3). Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết TK 156 để lập bảng tổng hợp chi tiết TK 156 (mẫu biểu 3.4).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 3.1

Công ty TNHH Minh Hải
ĐC: Đường Ngô Quyền- HD
BTC
ĐT: 0320.3896.896

Mẫu số 02
Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của BTC
Số:1710

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 632 : 152.252.130

Có TK 156 : 152.252.130

Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Anh Tuấn
Lý do lĩnh : xuất bán
Xuất tại kho : Hàng hóa

STT	Tên hàng	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực Xuất		
1	Gạch ốp tường mã 5051	Hộp	380	380	320.795	121.902.130
2	Vòi chậu	Cái	50	50	607.000	30.350.000
	Cộng					152.252.130

Số tiền bằng chữ: : Một trăm năm mươi hai triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi đồng

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(đã ký tên)

Người giao hàng

(đã ký tên)

Thủ kho

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MINH HẢI

Đ/C Số 6 Ngô Quyền – Hải Dương

Mẫu biểu 3.2

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM , HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản; hàng hóa

SHTK : 156 - KL1

Từ ngày 1/12/2010

Đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	<u>Thành tiền</u>
		Số dư đầu kì		320.000					1000	<u>320.000.000</u>
PNK 510	1/12/10	Nhập kho hàng hóa	331	320.400	41	9.446.400			1041	329.446.400
PXK 1710	1/12/10	Xuất bán	632	320.795			380	121.902.100	661	207.544.300
			
		Cộng p/s cuối tháng			4000	1.283.975.400	3500	1.122.782.500		
		Dư cuối tháng							1500	<u>481.192.900</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Giám đốc
(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MINH HẢI

Đ/C Số 6 Ngô Quyền – Hải Dương

Mẫu biểu 3.3

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM , HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: hàng hóa

SHTTK : 156-VC

Từ ngày 1/12/2010

đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	<u>Thành tiền</u>
		Số dư đầu kì		605.000				1000	<u>605.000.000</u>	
PXK1710	1/12/10	Xuất bán	632	607.000			50	30.350.000	950	574.650.000
	
PNK515	10/12/10	Nhập hàng	331	610.000	500	305.000.000				
		Cộng tháng			500	305.000.000	800	485.600.000		
		Du cuối tháng							<u>700</u>	<u>424.400.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Giám đốc

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH MINH HẢI

Đ/C:SỐ 6 NGÔ QUYỀN – HẢI DƯƠNG

Mẫu biểu 3.4

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM)

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: hàng hóa

SHTK: 156

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên quy cách vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu kì	Nhập trong kì	Xuất trong kì	Tồn cuối kì
1	Gạch lát KT1	<u>320.000.000</u>	1.283.975.400	1.122.782.500	481.192.900
2	Vòi chậu	<u>605.000.000</u>	305.000.000	485.600.000	424.400.000
..
	Cộng	<u>46.279.282.022</u>	11.360.197.058	11.937.961.895	<u>45.701.517.185</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng căn cứ vào phiếu xuất kho để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 3.5), và kết chuyển Nợ TK 632 sang Có TK 911 để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 3.6),

Mẫu biểu 3.5

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.19

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tổng giá vốn hàng bán phát sinh trong tháng 12 năm 2010	632	156	11.937.961.895
Cộng			11.937.961.895

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 155 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 3.6

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.20

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển tổng giá vốn hàng bán phát sinh trong tháng 12	911	632	11.937.961.895
Cộng			11.937.961.895

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 157 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 3.5), chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 3.6) được lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 3.7), và sổ cái TK632 (mẫu biểu 3.8), tổng hợp số liệu được ghi trong sổ cái TK 632 để ghi vào chỉ tiêu số 4 trong báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu biểu 3.7

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
SH	Ngày,tháng		
....
12.19	31/12	Tổng giá vốn hàng bán	11.937.961.895
12.20	31/12	K/c giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh	11.937.961.895

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(*đã ký tên*)

Kế toán trưởng
(*đã ký tên*)

Thủ trưởng đơn vị
(*đã ký tên, đóng dấu*)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 3.8

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số P/s tháng 12			
31/12	12.19	31/12	Tổng GVHB p/s trong tháng 12	156	11.937.961.895	
31/12	12.20	31/12	K/c GV để XĐKQKD	911		11.937.961.895
			Cộng lũy kế P/S trong năm 2010		132.695.657.109	132.695.657.109
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH Minh Hải sử dụng tài khoản theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC nên Công ty không hạch toán chi phí bán hàng vào TK 641 mà hạch toán chung vào TK 642 và gọi chung là chi phí quản lý kinh doanh

2.4.4 Chi phí quản lý kinh doanh (TK 642)

Chi phí quản lý kinh doanh là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm nhiều loại như: Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý hành chính, chi phí đồ dùng văn phòng và chi phí chung khác, chi phí vận chuyển, chi phí trích khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương cán bộ công nhân viên

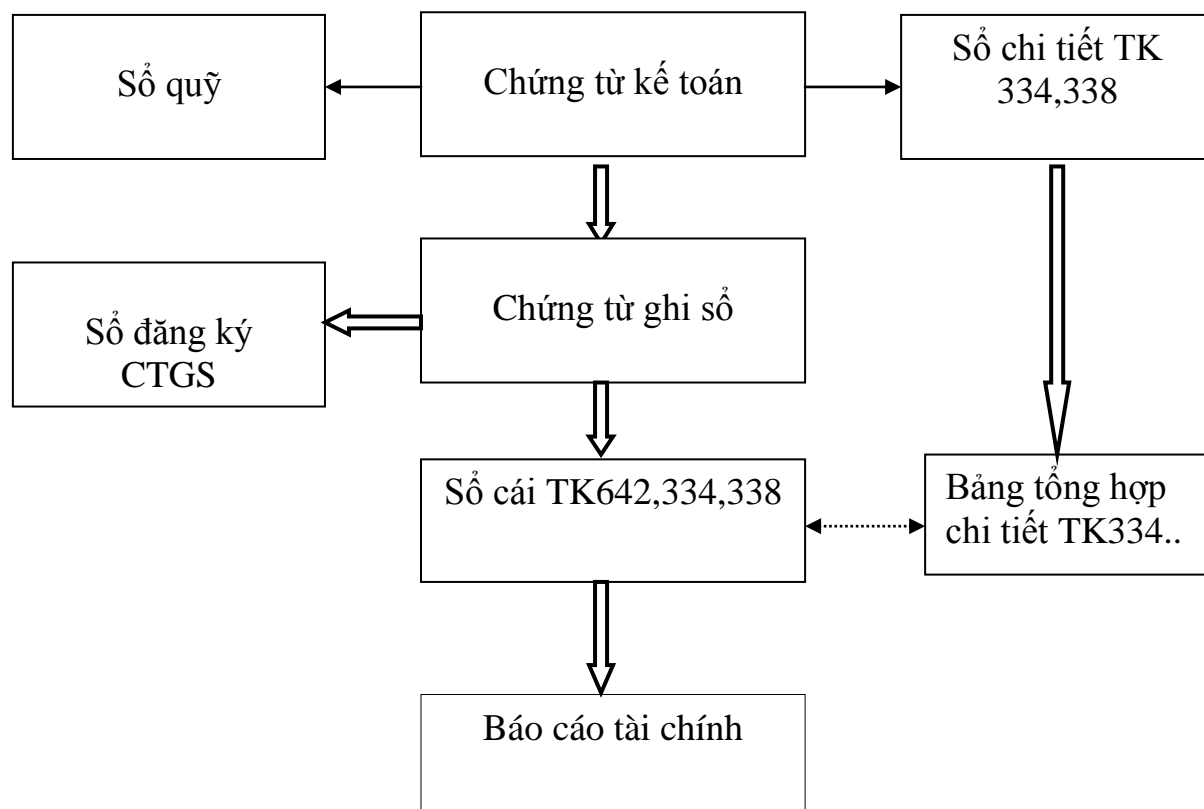
Chi phí nhân viên quản lý là các khoản tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý. Tiền lương (hay tiền công) là số tiền thù lao lao động phải trả cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động mà họ đóng góp để tái sản xuất sức lao động bù đắp hao phí lao động của họ trong quá trình sản xuất kinh doanh

a, Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng:

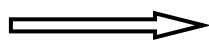
- Bảng lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 642

b , Quy trình luân chuyển chứng từ:

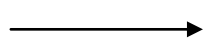
kinh doanh



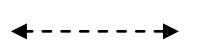
Ghi chú



Ghi định kỳ



Ghi hàng ngày



Đối chiếu

c , Phương pháp hạch toán:

Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, phiếu chi, ...để tập hợp chi phí thực tế phát sinh. Cuối tháng kế toán ghi chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ để ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi sổ cái TK 642 và các tài khoản khác có liên quan. Cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu ghi trong sổ cái TK 642 để kế toán lập báo cáo kết quả kinh doanh (chỉ tiêu số 8)

Trong tháng khi phát sinh chi phí quản lý kinh doanh kế toán căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ có liên quan để hạch toán:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 642:

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111,112,334,214,....

Ví dụ: Ngày 15/12 Công ty trả tiền điện kỳ 1 từ ngày 10/11 đến ngày 09/12

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (tiền điện) (*mẫu biểu 4.1*) kế toán lập phiếu chi (*mẫu biểu 4.2*),

Mẫu biểu 4.1

EVN NPC

Tổng Công ty điện lực Miền Bắc

HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)

Liên 2: (giao cho khách hàng)

Kỳ 1 từ ngày 10/11 đến ngày 09/12

Mẫu số: 01GTKT

Ký hiệu: VL/11P

Số 0094800

Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương

Địa chỉ: 33 đại lộ Hồ Chí Minh, TP.Hải Dương

Điện thoại:2216000

MST: 0800356171

Tên khách hàng: Công ty TNHH Minh Hải

Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền Hải Dương

Điện thoại: 0320.3896.399

MST:08000263569

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
KT	956560	955055		1505	2.200	3.311.000

Ngày 15 tháng 12 năm 2010 Cộng 1505 3.311.000

Bên bán điện Thuế suất GTGT: 10% thuế GTGT 331.100

(đã đóng dấu) Tổng cộng tiền thanh toán 3.642.100

Số tiền viết bằng chữ:ba triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn , một trăm đồng chẵn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 4.2

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số 02-TT

(Ban hành kèm theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09

năm 2006 của BTC

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 12

Số: 0551

Nợ: TK 642

Có: TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương

Địa chỉ: 33 Đại Lộ HCM, TP.Hải Dương

Lý do chi : Trả tiền điện

Số tiền: 3.642.100 (Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm đồng chẵn)

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền:(Ba triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm đồng chẵn)

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Người nhận

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên)

(đã ký tên)

(đã ký tên)

(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào phiếu chi kế toán lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 4.3), kế toán kết chuyển Nợ TK 642 sang Có TK 911 để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 4.4).

Mẫu biểu 4.3

Công Ty TNHH Minh Hải

Mẫu số S02a-DNN

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ĐT:0320.3896896/895565

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

Fax: 0320.3896566

trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.21

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Tổng chi phí QLKD trong tháng			
Chi trả tiền điện	642	111	3.642.100
.....	
.....
Cộng			514.379.504

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 32 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 4.4

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.22

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh tháng 12 để xác định kết quả kinh doanh	911	642	514.379.504
Cộng			514.379.504

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 33 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 12.21 và chứng từ ghi sổ số 12.22 để lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 4.5) và sổ cái TK 642 (mẫu biểu 4.6). Kế toán tổng hợp số liệu được ghi trong sổ cái TK 642 để lập báo cáo kết quả kinh doanh (vào chỉ tiêu số 8)

Mẫu biểu 4.5

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
SH	Ngày,tháng		
....
12.19	31/12	Chi phí quản lý kinh doanh P/s trong tháng 12/2010	514.379.504
12.20	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh	514.379.504

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(*đã ký tên*)

Kế toán trưởng
(*đã ký tên*)

Thủ trưởng đơn vị
(*đã ký tên, đóng dấu*)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 4.6

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tài khoản: Chi Phí QLKD

Số hiệu: 642

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Số P/s tháng 12			
31/12	12.21	31/12	Chi phí tiền điện	111	3.642.200	
				
			Tổng chi phí QLKD trong tháng 12		514.379.504	
31/12	12.22	31/12	Kết chuyển Chi phí QLKD tháng 12/2010	911		514.379.504
			Cộng lũy kế P/s năm 2010		6.098.174.543	6.098.174.543
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.4.5 Chi phí hoạt động tài chính (635)

Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán Công ty TNHH Minh Hải sử dụng tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính. Chi phí tài chính của Công ty TNHH Minh Hải

TK 6351 - Lãi tiền vay

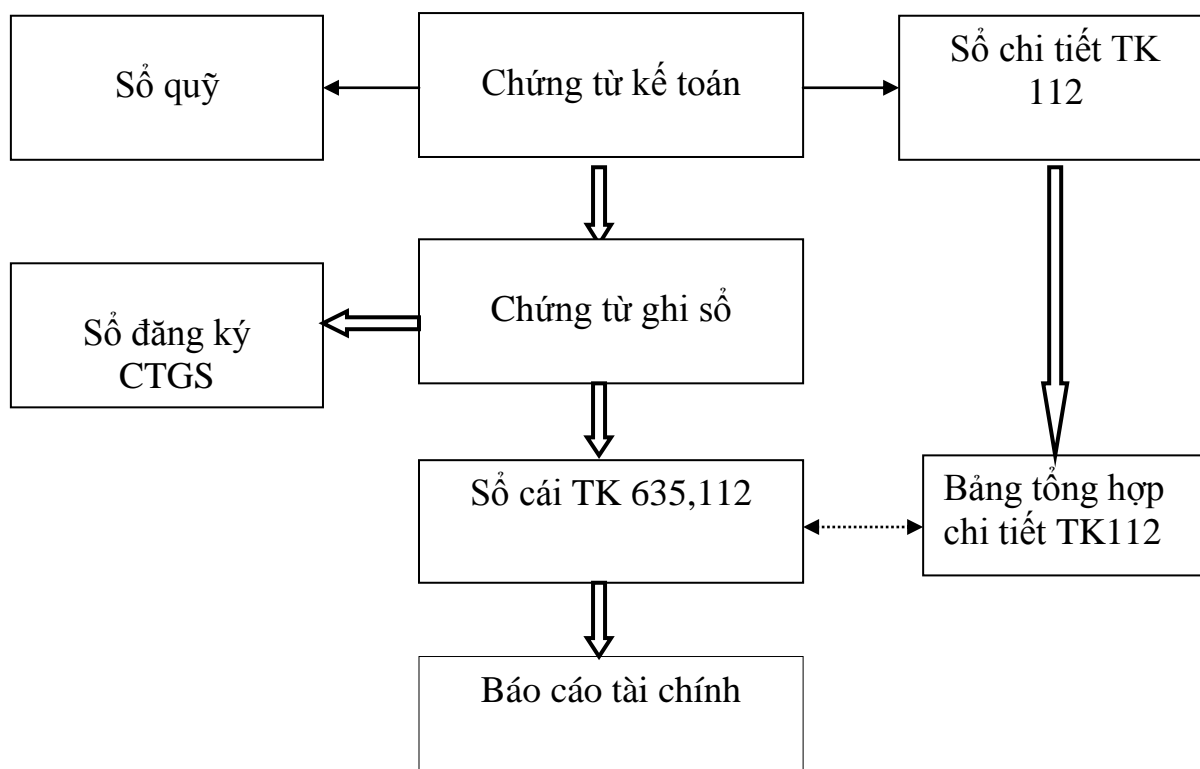
TK 6352 - Lỗ chênh lệch tỷ giá

a, Chứng từ sổ kế toán sử dụng

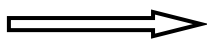
- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Sổ chi tiết liên quan tài khoản 112, 635
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản 635

b, Quy trình luân chuyển chứng từ

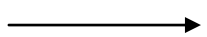
Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí hoạt động tài chính:



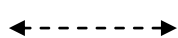
Ghi chú



Ghi định kỳ



Ghi hàng ngày



Đối chiếu

C, Quy trình hạch toán:

Hàng tháng căn cứ vào giấy báo nợ về các khoản lãi tiền vay phải trả ngân hàng. Cuối tháng kế toán kết chuyển TK 635 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh và để ghi chứng từ ghi sổ của TK 635,112. Căn cứ vào từ chứng từ ghi sổ được lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 635,112. Số liệu được tổng hợp trong sổ cái TK 635 được ghi vào chỉ tiêu số 7 trong bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Ví dụ 5: Ngày 4/12/2010 căn cứ vào hợp đồng vay vốn (*mẫu biểu 5.1*) Công ty trả lãi tiền vay cho Công ty CPSX và TM Âu Việt với số tiền vay là : 420.000.000đ, mức lãi suất 0.8%. Chi phí lãi vay phải trả là: 3.360.000đ

Mẫu biểu 5.1

CÔNG TY TNHH MINH HẢI

Số: 040510/HĐVV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VAY VỐN

- Căn cứ vào luật số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008 của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực tài chính của hai bên.
- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH Minh Hải và Công ty TNHH nhà Thép tiền chế ZAMIL Việt Nam ký ngày 09 tháng 4 năm 2010.

Hôm nay ngày 04 tháng 11 năm 2010, tại Công ty TNHH Minh Hải chúng tôi gồm có:

Bên A : Công ty TNHH Minh Hải

Đại diện: Ông Nguyễn Công Hải

Chức vụ: Giám đốc công ty

Địa chỉ : Cụm CN phía tây đường Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương

Điện thoại : 0320.3896896

Fax: 0320.3895566

TK số : 0247.0406.6666.868

Ngân hàng: VIB Hải Dương

Bên B: Công ty CPSX và TM Âu Việt

Đại diện: Ông Nguyễn Công Hưng

Chức vụ: Phó CT HĐQT kiêm Giám Đốc

Địa chỉ : Đường Ngô Quyền, khu 4, Phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương

Mã số thuế: 0800297568

Điện thoại : 0320.3890.418

Fax: 0320.3588.696

TK số : 0247.0406.8888.898

Ngân hàng: VIB Hải Dương

Hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng vay vốn như sau:

Điều 1. Nội dung

1. Công ty TNHH Minh Hải vay của Công ty CPSX và TM Âu Việt số tiền: 420.000.000 đồng

Bằng chữ: **Bốn trăm hai mươi triệu đồng/**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2. Thời hạn vay: trong vòng 01 tháng kể từ ngày 04/11/2010.

3. Lãi suất vay: 0.8%/ tháng.

4. Mục đích vay: Thanh toán cho Công ty TNHH nhà Thép tiền chế ZAMIL Việt Nam tiền đặt cọc 35% theo Hợp đồng số L4-10-002.

5. Hình thức vay: Chuyển khoản từ tài khoản của Công ty CP SX & TM Âu Việt tại ngân hàng VIB – Hải Dương cho Công ty TNHH nhà Thép tiền chế ZAMIL Việt Nam theo số Tài khoản: 002010841001 tại ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hà Nội.

6. Phương thức trả nợ: Thanh toán một lần khi đến hạn.

Điều 2. Trách nhiệm của các bên.

1. Bên B

+ Chuyển tiền theo đúng số tiền và tài khoản mà bên vay yêu cầu.

+ Đảm bảo thời hạn cho vay và lãi suất như điều 1.

2. Bên A

+ Cam kết sử dụng khoản vay đúng mục đích.

+ Trả tiền vay đúng thời hạn.

Điều 3. Hiệu lực hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 04 tháng 11 năm 2010. Hợp đồng được lập thành 02 bản mỗi bên gửi 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện bên A

(đã ký tên)

Đại diện bên B

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Căn cứ vào hợp đồng vay vốn giữa Công ty TNHH Minh Hải với Công ty CPSX và TM Âu Việt kế toán tiến hành lập sổ quỹ tiền gửi, và sổ chi tiết tiền gửi

- Đến cuối tháng kế toán tập hợp các chứng từ gốc để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 5.2), kế toán kết chuyển TK 635 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh và lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 5.3)

Mẫu biểu 5.2

Công Ty TNHH Minh Hải

Mẫu số S02a-DNN

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ĐT:0320.3896896/895565

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

Fax: 0320.3896566

trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.23

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Trả tiền lãi vay ngắn hạn cho Công ty CPSX và TM Âu Việt	635	112	3.360.000
.....
Cộng			381.304.137

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 05 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 5.3

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.24

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí lãi vay trong tháng 12/2010 để xđkqkd	911	635	381.304.137
Cộng			381.304.137

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 05 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 12.23 và chứng từ ghi sổ số 12.24 để lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 5.4) và ghi sổ cái TK 635 (mẫu biểu 5.5)

Mẫu biểu 5.4

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Đường Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng		
....
12.23	31/12	Chi phí hoạt động tài chính	381.304.137
12.24	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh	381.304.137
	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 5.5

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm 2010</u>			
					
			Số P/s tháng 12			
31/12	12.23	31/12	Tổng Trả lãi vay	112	381.304.137	
31/12	12.24	31/12	K/c CPTC để xác định KQKD trong tháng 12/2010	911		381.304.137
			Cộng lũy kế P/s năm 2010		5.575.649.651	5.575.649.651
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên, đóng dấu)

2.4.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

❖ Thu nhập khác là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của Công ty. Nội dung của thu nhập khác tại Công ty TNHH Minh Hải chủ yếu là:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho Doanh nghiệp

❖ Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thực tế chi phí khác của Công ty chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý

a, Tài khoản sử dụng

Để hạch toán các khoản thu nhập khác và chi phí khác Công ty sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

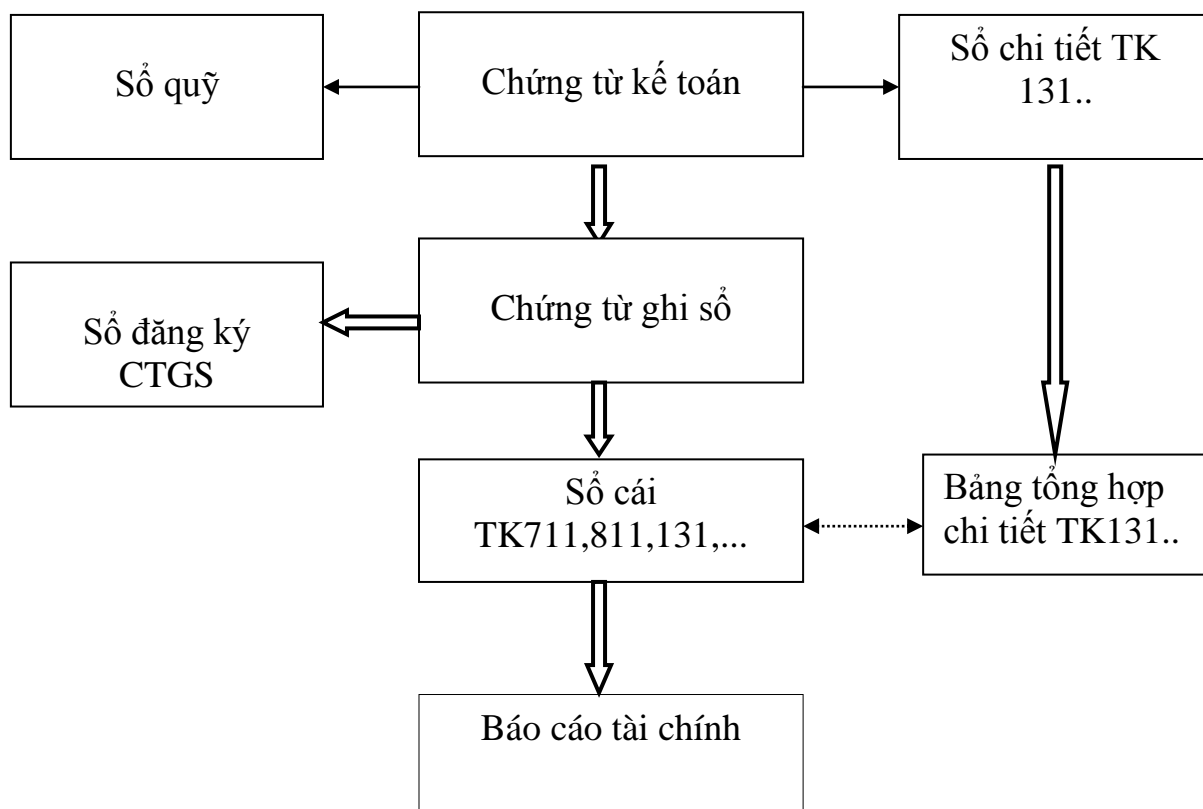
TK 811 – Chi phí khác

b, Chứng từ ghi sổ kế toán sử dụng

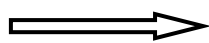
- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 711, sổ cái TK 811
- Các sổ sách khác có liên quan

c, Quy trình luân chuyển chứng từ

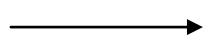
Sơ đồ 2.11: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH Minh Hải



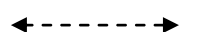
Ghi chú



Ghi định kỳ



Ghi hàng ngày



Đổi chiếu

d, Quy trình hạch toán

- Định kỳ cuối tháng căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, biên bản thanh lý TSCĐ...Kế toán tiến hành lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ để lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và lập sổ cái TK 711 , TK 811 và các tài khoản khác có liên quan

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 6: Ngày 20/12 /2010, Công ty thanh lý một chiếc xe trở hàng Hyundai 34-K5607 được đưa vào sử dụng ngày 01/01/2003 (theo sổ sách kế toán đã ghi):

Nguyên giá : 195.000.000đ,

Giá trị hao mòn đã trích : 156.000.000đ

Giá trị còn lại của tài sản này là: 39.000.000đ

Giá bán tài sản này là : 44.000.000đ (đã bao gồm 10% thuế GTGT)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (mẫu biểu 6.1,) phiếu thu về từ nhượng bán TSCĐ (mẫu biểu 6.2) kế toán định khoản:

Nợ TK 111: 44.000.000

Có TK 711: 40.000.000

Có TK 3331:4.000.000

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ (mẫu biểu 6.3) kế toán ghi định khoản giảm TSCĐ:

Nợ TK 811: 39.000.000

Nợ TK 214: 156.000.000

Có TK 211 : 195.000.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 0085557(mẫu biểu 6.4) ,phiếu chi (mẫu biểu 6.5) liên quan đến chi phí sửa chữa thanh lý nhượng bán TSCĐ kế toán định khoản

Nợ TK 811: 500.000

Nợ TK 133: 50.000

Có TK 111: 550.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 6.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01 GTKT- 3LL				
liên 3 :(nội bộ)		MT/2010B				
Ngày 20 tháng 12 năm 2010		0085556				
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Minh Hải						
Địa chỉ : Số 6 Ngô Quyền - Hải Dương						
Số tài khoản:						
Điện thoại: 0320.3896.896		MST: 0800263569				
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Nam						
Tên đơn vị:						
Địa chỉ: 197 Lê Thanh Nghị - HD						
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán		MST:				
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3=1x2	
1	Xe hyundai 34K-5607	cái	1	40.000.000	40.000.000	
2						
Cộng tiền hàng					40.000.000	
Thuế suất GTGT:10% tiền thuế GTGT					4.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					44.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn						
Người mua hàng (đã ký tên)		Người bán hàng (đã ký tên)		Thủ trưởng đơn vị (đã ký tên)		

Mẫu biểu 6.2

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Đường Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số 01-TT

(Ban hành kèm theo QĐ số

48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09

năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 0551

Số:12

Nợ: TK 111:44.000.000

Có: TK 711:40.000.000

Có TK 3331: 4.000.000

Họ và tên người nộp : Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: 197 Lê Thanh Nghị- HD

Lý do nộp: Trả tiền mua TSCĐ

Số tiền: 44.000.000 (*Bằng chữ: bốn mươi bốn triệu đồng chẵn*)

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: (*bốn mươi bốn triệu đồng chẵn*)

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

KT trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người nộp

(Ký, họ tên)

Mẫu biểu 6.3

Công ty TNHH Minh Hải
Số 6 Ngô quyền – Hải Dương

Mẫu số: 02 – TSCĐ
(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/09/2010 - BTC

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Số 09

Nợ TK214: 156.000.000

Nợ TK811: 39.000.000

Có TK 211: 195.000.000

Căn cứ quyết định số: 48/2006 QĐ – BTC ngày 14/09/2010 về việc thanh lý tài sản cố định

I Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông Nguyễn Công Hưng – phó giám đốc
- Bà Nguyễn thị Thanh Trúc- Kế toán trưởng
- Ông Nguyễn Văn Tuân- Trưởng phòng kinh doanh

II, Tiến hành thanh lý TSCĐ;

Tên tài sản cố định: xe hyundai 34K5607

Nước sản xuất: hàn quốc

Đưa vào sử dụng năm: 2003

Nguyên giá: 195.000.000đ

Giá trị hao mòn đã trích tại thời điểm thanh lý:156.000.000đ

Giá trị còn lại:39.000.000

III, kết luận :

Quyết định thanh lý TSCĐ

Ngày 20/12/2010

Trưởng ban thanh lý đã ký tên

IV, Kết quả thanh lý TSCĐ

Chi phí thanh lý: 500.000đ

Giá trị thu hồi: 40.000.000đ

Ngày 20/12/2010

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Giám đốc

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu biểu 6.4

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 :(giao khách hàng) Ngày 20 tháng 12 năm 2010	Mẫu số: 01 GTKT- 3LL MT/2010B 0085557
--	---

Đơn vị bán hàng: Nguyễn văn Tuấn

Địa chỉ: Lê Thanh Nghị - Hải Dương

Số tài khoản:

Điện thoại:

MST:

Họ tên người mua hàng: Hoàng văn Kiên

Tên đơn vị: Công ty TNHH Minh Hải

Địa chỉ: Số 6 Ngô Quyền – Hải Dương

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST: 0800263569

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3=1x2	
1	chi phí sửa chữa thanh lý				500.000	
2						
Cộng tiền hàng					500.000	
Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT					50.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					550.000	

Số tiền viết bằng chữ: năm trăm, năm mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

(đã ký tên)

Người bán hàng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên)

Mẫu biểu 6.5

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số 02-TT
(Ban hành kèm theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng
09 năm 2006 của BTC

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Quyển số: 12

Số: 0562

Nợ: TK 811:500.000

Nợ TK133: 50.000

Có: TK 111:550.000

Họ và tên người nhận tiền: Hoàng Văn Kiên

Địa chỉ: Số 4 Hoàng văn Thụ, TP Hải Dương

Lý do chi : Chi phí sửa chữa liên quan đến việc thanh lý nhượng bán TSCĐ

Số tiền: 550.000 (Bằng chữ: năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền: Năm trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

KT trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu thu số 0551 để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 6.6), kết chuyển Có TK 711 sang Nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh và lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 6.7)

Mẫu biểu 6.6

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số12:25

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Thanh lý nhượng bán 1chiếc xe trở hàng Hyundai 34K 5607	111	711	40.000.000
.....
Cộng			254.209.745

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 11 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 6.7

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.26

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh	711	911	254.209.745
Cộng			254.209.745

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 11 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào biên bản giao nhận (mẫu biểu 6.3), Hóa đơn GTGT 0085557 (mẫu biểu 6.4) phiếu chi (mẫu biểu 6.5) để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 6.7). Kế toán kết chuyển CóTK 811 sang Nợ TK 911 để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 6.8)

Mẫu biểu 6.8

Công Ty TNHH Minh Hải

Mẫu số S02a-DNN

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ĐT:0320.3896896/895565

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

Fax: 0320.3896566

trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.27

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Thanh lý nhượng bán xe trở hàng 34K5067	811	211	39.000.000
Chi phí thanh lý nhượng bán	811	111	500.000
.....		
Cộng			45.380.000

Ngày 31/12/2020

Kèm theo 11 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 6.9

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.28

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển TK 811 sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh	911	811	45.380.000
Cộng			45.380.000

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 12 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ số 12.25; 12.26; 12.27; 12.28 để lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 6.10)

Mẫu biểu 6.10

Công Ty TNHH Minh Hải

Đc: Đường Ngô Quyền-TPHD

ĐT:0320.3896896/895565

Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

trưởng BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày,tháng		
....
12.25	31/12	Thu nhập khác	254.209.745
12.26	31/12	K/c thu nhập khác để xác định kết quả kinh doanh	254.209.745
12.27	31/12	Chi phí khác	45.380.000
12.28	31/12	Kết chuyển chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh	45.380.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi số số 12.25, chứng từ ghi số số 12.26 để lập sổ cái TK 711 (mẫu biểu 6.11)

Mẫu biểu 6.11

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT: 0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu năm 2010			
					
			Số P/s tháng_12			
31/12	12.25	31/12	Thu do TLNB xe 34K 5607	111		30.000.000
		
			Tổng thu nhập khác trong T12			254.209.745
31/12	12.26	31/12	K/c thu nhập khác sang TK 911	911	254.209.745	
			Cộng lũy kế p/s trong năm 2010		4.530.516.941	4.530.516.941
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ số 12.27, chứng từ ghi sổ số 12.28 để ghi sổ cái TK 811 (mẫu biểu 6.12)

Mẫu biểu 6.12

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Dư đầu năm 2010</u>			
					
			Số P/s tháng 12			
31/12	12.27	31/12	TLNB bán xe 34K5607	211	39.000.000	
			Chi phí liên quan TLNB TSCĐ	111	500.000	
			
31/12	12.28	31/12	K/c chi phí khác sang TK 911	911		45.380.000
			Cộng lũy kế p/s trong năm 2010		542.994.472	542.994.472
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

2.4.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a, Tài khoản sử dụng:

Kế toán Công ty sử dụng tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

b. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Định kỳ kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các TK 511, 515, 632, 635, 642, 711,811 trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + LN\ khác}$$

Ví dụ 7: Cuối tháng kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển:

- K/c giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 911: 12.833.645.536

Có TK 632: 11.937.961.895

Có TK 642: 514.379.504

Có TK 635: 381.304.137

- K/c chi phí khác:

Nợ TK 911: 45.380.000

Có TK 811: 45.380.000

- K/c doanh thu:

Nợ TK 511: 12.780.253.910

Nợ TK 515: 1.025.916

Có TK 911: 12.781.279.826

- K/c thu nhập khác:

Nợ TK 711: 254.209.745

Có TK 911: 254.209.745

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tính thuế TNDN hiện hành = (tổng doanh thu – tổng chi phí)*25% =
(Có TK 911- Nợ TK 911)*25% = (13.035.489.561 - 12.833.645.537)*25% =
50.461.006đ

Nợ TK 8211: 50.461.006

Có TK 3334: 50.461.006

- K/c chi phí thuế TNDN hiện hành

Nợ TK 911: 50.461.006

Có TK 8211: 50.461.006

- K/c lãi:

Nợ TK 911: 151.383.018

Có TK 4212: 155.565.718

Cuối tháng căn cứ vào các bút toán kết chuyển tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 7.1) và chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 7.2) và căn cứ vào bút toán kết chuyển lãi để lập chứng từ ghi sổ (mẫu biểu 7.3)

Mẫu biểu 7.1

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Chứng từ ghi sổ

Số:12.29

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	821	3334	50.461.006
Cộng			50.461.006

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 10 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 7.2

Công Ty TNHH Minh Hải

Mẫu số S02a-DNN

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày

ĐT:0320.3896896/895565

14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Fax: 0320.3896566

Chứng từ ghi sổ

Số:12.30

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	50.461.006
Cộng			50.461.006

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 10 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Mẫu biểu 7.3

Công Ty TNHH Minh Hải

Mẫu số S02a-DNN

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày

ĐT:0320.3896896/895565

14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Fax: 0320.3896566

Chứng từ ghi sổ

Số:12.31

Tháng 12 năm 2010

DVT: đồng

Trích yếu	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911	421	151.383.018
Cộng			151.383.018

Ngày 31/12/2010

Kèm theo 10 chứng từ gốc

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi số 12.29 , chứng từ ghi số 12.3), chứng từ ghi số 12.31 để ghi sổ đăng ký chứng từ ghi số (mẫu biểu 7.4)

Mẫu biểu 7.4

Công Ty TNHH Minh Hải

Mẫu số S02b-DNN

Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ĐT:0320.3896896/895565

ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ

Fax: 0320.3896566

trường BTC)

Sổ đăng ký chứng từ ghi số

Năm 2010

Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số tiền
SH	Ngày,tháng		
....
12.29	31/12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.461.006
12.30	31/12	K/c chi phí thuế TNDN hiện hành	50.461.006
12.31	31/12	K/c lãi	151.383.018

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên)

(đã ký tên)

(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi số 12.29 và chứng từ ghi số 12.30 để lập sổ cái TK 821 (mẫu biểu 7.5)

Mẫu biểu 7.5

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ
trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tài khoản: chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

ĐVT: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Dư đầu năm 2010</u>			
			Số p/s tháng 12			
31/12	12.29	31/12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3334	50.461.006	
31/12	12.30	31/12	K/c chi phí Thuế TNDN hiện hành	911		50.461.006
			Cộng lũy kế p/s trong năm 2010		418.973.265	418.973.265
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(đã ký tên)

Kế toán trưởng
(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi số 12.31 để lập sổ cái TK 421

Mẫu biểu 7.6

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Dương Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày
14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

DDVT: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			<u>690.315.835</u>
					
			Số p/s tháng 12			
31/12	12.31	31/12	K/c lãi 12/2010	911		151.383.018
			Cộng phát sinh trong năm 2010		1.677.663.692	1.256.919.795
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(đã ký tên)

Kế toán trưởng

(đã ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào chứng từ ghi số 12.16; 12.18; 12.20; 12.22 12.24; 12.26; 12.28; 12.30; 12.31; đã ghi kế toán tiến hành ghi số cái TK 911 (mẫu biểu 7.7)

Mẫu biểu 7.7

Công Ty TNHH Minh Hải
Đc: Đường Ngô Quyền-TPHD
ĐT:0320.3896896/895565
Fax: 0320.3896566

Mẫu số S02b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14
tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

ĐVT: Đồng

NT	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số p/s tháng 12			
31/12	12.16	31/12	K/c DTBH	511		12.780.253.910
31/12	12.18	31/12	K/c DTHĐTC	515		1.025.916
31/12	12.20	31/12	K/c GVHB	632	11.937.961.895	
31/12	12.22	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	514.379.504	
31/12	12.24	31/12	Kết chuyển CPHĐTC	635	381.304.137	
31/12	12.26	31/12	K/c thu nhập khác	711		254.209.745
31/12	12.28	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	45.380.000	
31/12	12.30	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	50.461.006	
31/12	12.31	31/12	Kết chuyển lãi	421	151.383.018	
			Công lũy kế phát sinh năm 2010		146.588.368.830	146.588.368.830
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu ghi trong sổ cái TK:511,515,632,635,642, 711,811,821,421 để lập báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH Minh Hải

Mẫu số: B-01/DNN

Địa chỉ: Đường Ngô Quyền - Khu4 Phường Cẩm (Ban hành kèm theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Thượng-TPHD

ngày 14/09/2006 của BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2010

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và c/cấp d.vụ	142.050.900.502	140.570.401.400
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	142.050.900.502	140.570.401.400
4	Giá vốn hàng bán	132.695.657.109	132.036.177.300
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	9.355.243.393	8.534.224.100
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.951.392	6.967.312
7	Chi phí hoạt động tài chính	4.575.649.651	4.369.478.626
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.098.174.543	6.194.551.990
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	(2.311.629.402)	(3.022.839.204)
10	Thu nhập khác	3.530.516.941	2.946.956.520
11	Chi phí khác	542.994.472	521.887.385
12	Lợi nhuận khác	4.487.522.521	4.468.843.905
13	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.675.893.060	1.446.004.701
11	Thuế thu nhập DN phải nộp	418.973.265	404.881.316
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.256.919.795	1.041.123.385

Lập ngày 09 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

**PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI**

3.1 Nhận xét đánh giá khái quát thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

3.1.1 Nhận xét chung về công tác kế toán.

- Nhìn chung công tác hạch toán kế toán của Công ty đã đảm bảo áp dụng đúng chế độ kế toán của nhà nước ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 , phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Nhà nước.

- Về hình thức kế toán : Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Hàng ngày nhân viên kế toán phụ trách từng phần hành căn cứ vào các hóa đơn chứng từ gốc đã kiểm tra để ghi sổ tổng hợp các hóa đơn chứng từ. Đến cuối tháng kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung để ghi cùng một chứng từ ghi sổ

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh để được gửi đến phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời

- Hệ thống chứng từ Công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 . Những thông tin kinh tế được ghi chép một cách chính xác, đầy đủ vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại cẩn thận, thuận tiện cho việc tìm kiếm và đối chiếu số liệu

3.1.2 Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán được tổ chức có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Cán bộ phòng kế toán đều là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình được bố trí công việc hợp lý, phù hợp với năng lực của từng người, không những thế cán bộ kế toán Công ty còn không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán: việc xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của Công ty được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách của Công ty được tổ chức chặt chẽ, thuận tiện cho quá trình ghi chép và lập Báo cáo tài chính. Về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, nhằm đảm bảo cho việc hạch toán doanh thu bán các hàng hóa và giá vốn hàng hóa bán ra và những chi phí để phục vụ cho việc bán hàng được cụ thể, kế toán đã tổ chức hệ thống sổ chi tiết theo từng mặt hàng. Điều này đã giúp cho ban lãnh đạo Công ty nắm bắt được nhu cầu của thị trường và hiệu quả kinh doanh của từng loại thành phẩm để từ đó có quyết định hợp lý về tổ chức sản xuất cũng như đầu tư công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Về công tác theo dõi công nợ: kế toán tiêu thụ quản lý chặt chẽ lượng tiêu thụ và các khoản phải thu khách hàng. Có sự phối hợp và đối chiếu giữa kế toán tiêu thụ và kế toán theo dõi các khoản phải thu của khách hàng. Các khoản phải thu được quản lý chi tiết, chặt chẽ theo từng khách hàng

- Về xác định kết quả tiêu thụ : việc xác định kết quả tiêu thụ của Công ty được tiến hành vào cuối mỗi tháng một cách chính xác và kịp thời. Các khoản chi chi phí quản lý kinh doanh được theo dõi đảm bảo cho các khoản chi hợp lý và tiết kiệm.

3.1.3 Những vấn đề còn tồn đọng trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả tuân thủ chế độ kế toán. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan mà công tác kế toán vẫn còn một số điểm chưa hoàn thiện.

Về tài khoản sử dụng:

Công ty không sử dụng tài khoản chi phí bán hàng (TK 641) để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi phí bán hàng của Công ty. Khi hạch toán các khoản chi phí bán hàng kế toán Công ty hạch toán chung vào

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Về phương thức hạch toán:

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến động về quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức bán hàng, cách thức hạch toán... Và với khối lượng công việc ngày càng nhiều. Hơn nữa nhu cầu quản lý của nhà nước về tài chính, thuế ...cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của Công ty, đòi hỏi phải có phần mềm kế toán máy mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin cung cấp. Do đó Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vào việc hạch toán trên máy tính, máy tính sẽ xử lý thông tin nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian nhân lực

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn khách hàng là muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng những ưu đãi. Khi không áp dụng chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian thanh toán ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng tiêu thụ hàng hóa của Công ty cung cấp và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thị thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với mỗi doanh nghiệp, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu và kết quả kinh doanh nói riêng tại doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải

Kiến nghị 1: Hiện tại Công ty không sử dụng tài khoản 641- Chi phí bán hàng nên khi ta nhìn vào báo cáo kết quả kinh doanh thì ta không biết được chi phí bán hàng của Công ty là bao nhiêu nên không đưa ra được những biện pháp cụ thể nhằm giảm chi phí bán hàng như: Tiền lương cho nhân viên bán hàng, chi phí quảng cáo, chi phí tiếp thị sản phẩm... dẫn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty không đạt tối đa, mặt khác khi sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng, tách chi phí bán hàng khỏi chi phí quản lý kinh doanh thì khi ta nhìn vào báo cáo kết quả kinh doanh ta thấy ngay được chi phí bán hàng của Công ty là bao nhiêu, con số đó là nhiều hay ít có phù hợp với việc kinh doanh của Công ty để Công ty đạt hiệu quả hay không, qua đó ban lãnh đạo Công ty đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm giảm chi phí bán hàng hay tăng chi phí bán hàng để kết quả kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả tối

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đa, ngoài ra theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp phần chi phí được coi là chi phí hợp lý hợp lệ : Phần chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, chi hội nghị khách hàng không được vượt quá 10% tổng số chi được trừ. Do đó Công ty nên sử dụng TK 641 để hạch toán riêng chi phí bán hàng của Công ty

Kiến nghị 2: Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán

❖ *Chiết khấu thương mại:*

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:
 - Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)
 - Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
 - Có TK 111,112 - Thanh toán ngay
 - Có TK 131 - Phải thu của khách hàng
- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần
 - Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

❖ *Chiết khấu thanh toán*

là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính. Khi Công ty sử dụng tài khoản chiết khấu thanh toán thì đối với bên mua hàng sẽ là động lực khuyến khích để họ trả tiền đúng thời hạn ghi trên hợp đồng, từ đó vốn lưu động của Công ty cũng tăng tạo điều kiện phát triển trong việc kinh doanh của Công ty, từ đó quy mô của Công ty ngày càng rộng và phát triển mạnh mẽ

❖ TK 532 “Giảm giá hàng bán”

- Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:
- Nợ TK 532 - Số tiền giảm giá cho hàng bán
 - Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá
 - Có TK 111,112,131 - Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng
- Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:
- Nợ TK 511 - Giảm giá hàng bán
 - Có TK 532 - Kết chuyển giảm giá hàng bán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không thể giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

- Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ

Kiến nghị 3 : Về phương thức hạch toán kế toán:

Ngày nay công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác kế toán nói riêng là một điều tất yếu. Bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, giảm bớt khối lượng ghi chép tính toán. Hiện nay tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán máy vào công tác hạch toán , điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hóa của Công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thật thực cho doanh nghiệp

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

Phần mềm kế toán Misa của Công ty cổ phần Misa

Phần mềm SAS – INNOVA của Công ty Cổ phần SIS Việt Nam

Phần mềm Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy tính, máy tính tự xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết như: sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...Máy tính sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu

3.2.4 Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp số liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ mục tiêu con đường phát triển của mình. Công ty TNHH Minh Hải cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Đặc biệt hoạt động tiêu thụ, phát triển thị trường đóng một vai trò quan trọng quyết định sống còn đối với những doanh nghiệp đang chuyên mình. Những yêu cầu trên đã đặt ra cho các doanh nghiệp phải đổi mới công cụ quản lý kinh tế, trong đó có kế toán. Kế toán giữ một vai trò nòng cốt phản ánh và cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định đúng đắn. Vì vậy công tác kế toán cần hoàn thiện, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết của em còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu, tiếp xúc với thực tế còn có hạn nên nội dung bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của CN TTV cấp II Dương Văn Biên, cảm ơn các cô, các bác, các anh chị trong phòng kế toán tài chính tại Công ty TNHH Minh Hải cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận

Hải phòng ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Bùi Kim Cúc

1. Chế độ kế toán quyền 1 – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính - Hà Nội
2. Chế độ kế toán quyền 2 – Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội
3. Giáo trình hệ thống kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Nhà xuất bản Tài chính
4. Tài liệu sổ sách kế toán của Công ty TNHH Minh Hải
5. Khóa luận tốt nghiệp của các khóa trước trong thư viện nhà trường

.....

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1:.....	5
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	5
1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	5
1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong Doanh nghiệp	6
1.1.1.1 Khái niệm:	6
1.1.1.2 Vai trò và vị trí của doanh thu trong các Doanh nghiệp.....	6
1.1.1.3: Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu	6
1.1.1.4 : Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.1.1.5 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.1.2 Chi phí	11
1.1.2.1 Khái niệm.....	11
1.1.2.2 Vai trò của chi phí trong Doanh nghiệp.....	12
1.1.2.3 Các loại chi phí	12
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	14
1.1.3.1 Khái niệm :	14
1.1.3.2 Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
1.1.3.3 Vai trò, ý nghĩa của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh	16
1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	17
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu	17

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.1.1	Kế toán doanh thu bán hàng	17
1.2.1.2	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	24
1.2.2	Kế toán các khoản thu nhập để xác định kết quả kinh doanh	27
1.2.2.1	Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515).....	27
1.2.2.2	Kế toán thu nhập khác(TK 711).....	28
1.2.3	Kế toán giá vốn, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác	31
1.2.3.1	Kế toán giá vốn hàng bán	31
1.2.3.2	Kế toán chi phí hoạt động tài chính	35
1.2.3.3	Kế toán chi phí bán hàng.....	38
1.2.3.4	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	40
1.2.3.5	Kế toán chi phí khác.....	42
1.2.4	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	44
1.2.4.1	Kết quả bán hàng	44
1.2.4.2	Nội dung, yêu cầu xác định kết quả bán hàng.....	45
1.2.4.3	Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	45
1.3	: SỔ SÁCH KẾ TOÁN HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TRONG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	48
1.3.1.	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	48
1.3.2.	Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	49
1.3.3.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	51
1.3.4.	Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ	53
1.3.5.	Hình thức kế toán trên máy vi tính	54
	CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI.....	56
2.1	ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SX – KD CỦA CÔNG TY TNHH MINH HẢI.....	56
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Minh Hải	56

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Minh Hải.	57
2.1.3 Đặc điểm tổ chức hệ thống kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải.....	58
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty TNHH Minh Hải	60
2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty	62
2.2 ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN VÀ SỔ SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI	64
2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Minh Hải	64
2.2.2 Đặc điểm tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại Công ty TNHH Minh Hải ...	65
2.2.2.1. Các chính sách kế toán chung	65
2.2.2.2. Vận dụng hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty TNHH Minh Hải.....	67
2.2.2.3. Vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.....	67
2.2.2.4. Vận dụng hệ thống sổ sách và báo cáo tại Công ty TNHH Minh Hải ...	67
2.3 THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC	68
2.4 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI	70
2.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải	70
2.4.1.1 Đặc điểm công tác kế toán bán hàng tại Công ty.....	70
2.4.1.2 Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Minh Hải.....	72
2.4.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	85
2.4.3 Kế toán giá vốn hàng bán	93
2.4.4 Chi phí quản lý kinh doanh (TK 642).....	105
2.4.5 Chi phí hoạt động tài chính (635)	113
2.4.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	121
2.4.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	136
CHƯƠNG 3 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MINH HẢI	146

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.1 Nhận xét đánh giá khái quát thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải	146
3.1.1 Nhận xét chung về công tác kế toán.	146
3.1.2 Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải.....	147
3.1.3 Những vấn đề còn tồn đọng trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải	147
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải	148
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh	148
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Minh Hải	149
3.2.4 Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	153
KẾT LUẬN	154
TÀI LIỆU THAM KHẢO	155